

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: DÂN SỐ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

Nội dung kiến thức:

- Hình thành khái niệm địa lí: Dân số và nguồn lao động.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.
- Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới.
- Giải thích được nguyên nhân của việc gia tăng dân số quá nhanh.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản về đời sống, khoa học, nghệ thuật.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ địa lí dân cư để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết;

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương.
- Nhân ái: Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi,...
- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.
- Trung thực: Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- H.1.2 phóng to, bản đồ dân số TG

2. Chuẩn bị của HS

- Sách giáo khoa, tập viết để ghi chép.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo tinh thần hứng khởi cho hs trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Hs quan sát video clip để đưa ra cảm nhận của mình về dân số thế giới.

c) Sản phẩm:

- Hs ghi ra giấy được cảm nhận của mình.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV nêu câu hỏi định hướng: Hãy rút ra cảm nhận của em sau khi xem xong đoạn video

Bước 2: GV cho HS xem video “*Những con số báo động về dân số*”

Đường link video: <https://video.vietnamnet.vn/nhung-con-so-bat-ngo-ve-dan-so-the-gioi-o-hien-tai-va-trong-tuong-lai-a-58575.html>

Bước 3: GV dẫn dắt vào bài

Với diện tích phần đất liền trên bề mặt Trái đất là 149 triệu km². Liệu Trái đất của chúng ta có còn được bình yên khi đứng trước sự tăng nhanh vượt bậc của dân số thế giới? Câu trả lời sẽ có trong bài học ngày hôm nay.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân số và nguồn lao động (15 phút)

a) Mục đích:

- Hình thành khái niệm địa lí: Dân số và nguồn lao động.
- Hình thành kỹ năng đọc và phân tích tháp tuổi.

b) Nội dung:

- Học sinh phân tích tháp tuổi và đọc nội dung Sgk để tìm hiểu đặc điểm của dân số và nguồn lao động.

❖ Nội dung chính:

1. Dân số, nguồn lao động

- Dân số là tổng số dân sinh sống ở 1 địa điểm hoặc 1 vùng, 1 lãnh thổ, 1 quốc gia trong 1 thời gian cụ thể.
- Điều tra DS cho biết tình hình DS, nguồn lao động của một địa phương, một quốc gia...
- Tháp tuổi cho biết đặc điểm cụ thể của DS qua giới tính, độ tuổi, nguồn lao động hiện tại và tương lai của một địa phương hay 1 quốc gia.

c) Sản phẩm:

- Trả lời các câu hỏi của giáo viên
- Phân tích được tháp tuổi.

d) Cách thực hiện:

Tình huống:

Chú bảo vệ nói dân số đạt 7,7 tỷ người.

Cháu bé thì nói khoảng 7 tỷ người.

Tại sao lại có sự khác nhau đó?

- GV đặt những câu hỏi nhỏ: GV bốc thăm tên của 1 học sinh và yêu cầu học sinh đó trả lời các câu hỏi sau

- + Gia đình em có mấy người?
- + Ông bà bố mẹ làm nghề gì?
- + Gia đình em có mấy anh chị em?
- + Các anh chị em sinh ngày tháng năm bao nhiêu? Nam hay Nữ? Đang học lớp mấy? đã người nào đi làm chưa? Làm nghề gì?
- + Em đã từng thấy ai đến nhà mình và hỏi bố mẹ những câu hỏi trên chưa? Họ là ai?

Tìm hiểu về tháp tuổi

- Bước 1: GV dẫn dắt vào câu hỏi

Dân số thường được biểu hiện cụ thể bằng 1 tháp tuổi (Tháp dân số). Vậy tháp tuổi có hình dạng như thế nào? Dựa vào tháp tuổi ta biết được những thông tin gì về dân số?

- Bước 2: GV giới thiệu tháp tuổi

- Tháp tuổi được cấu tạo bởi 2 trục đứng
 - Giữa 2 trục dọc thể hiện nấc của từng nhóm độ tuổi
 - Người ta gộp các nhóm nấc tuổi thành 3 nhóm
 - + Nhóm dưới độ tuổi lao động (được thể hiện bằng màu xanh lá cây): Từ 0-14 tuổi
 - + Nhóm trong độ tuổi lao động (được thể hiện bằng màu xanh nước biển): Từ 15-59 tuổi
 - + Nhóm trong độ tuổi lao động (được thể hiện bằng màu da cam): Từ 60 trở lên
- Mỗi nhóm tuổi có 2 trục ngang được thể hiện bằng đơn vị triệu người
- Bên trái thể hiện số Nam. Bên phải thể hiện số Nữ
- **Bước 3:** Gv yêu cầu học sinh nhận xét 2 tháp tuổi hình 1.1 sgk
- **Bước 4:** Gv gọi Hs trình bày, các bạn khác nhận xét bổ sung
- **Bước 5:** Gv tổng kết, nhận xét.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sự gia tăng dân số thế giới (10 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới.
- Giải thích được nguyên nhân của việc gia tăng dân số quá nhanh.

b) Nội dung:

- Hs đọc nội dung SGK để trả lời các câu hỏi.

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỷ XIX và thế kỷ XX:

- Nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực KT-XH, y tế nên DS thế giới tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây.

c) Sản phẩm:

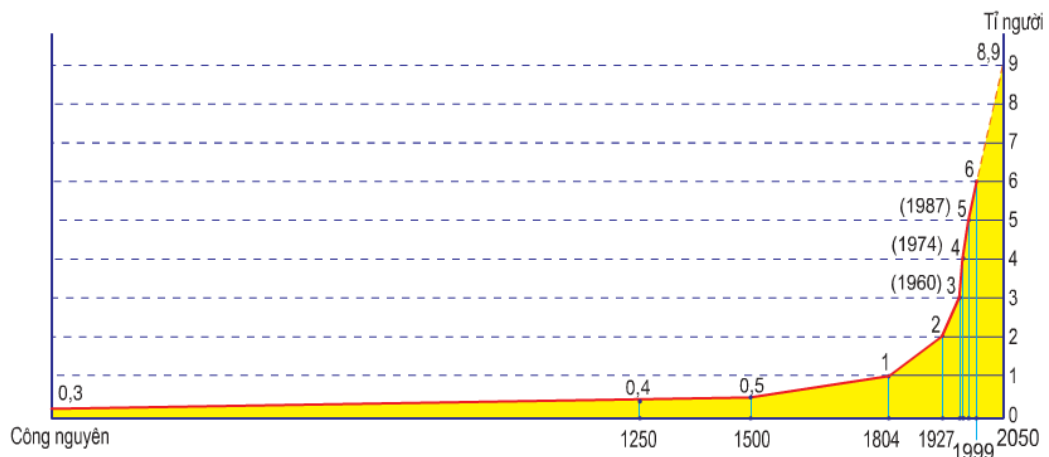
- Thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d) Cách thực hiện:

- ❖ **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu các khái niệm liên quan đến gia tăng dân số

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Quan sát hình 1.2, nhận xét về tình hình tăng dân số thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX?



Từ đầu Công nguyên chỉ có 0,3 tỉ người, tăng hết sức chậm chạp. Hơn 1000 năm sau mới tăng lên đến 0,4 tỉ người (Tăng 0,1 tỉ người trong hơn 1000 năm). Nhưng sang đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX dân số thế giới tăng nhanh vượt bậc (ước tính mỗi năm tăng gần 30,8 triệu người)

Bước 2: HS quan sát và trả lời câu hỏi.

Bước 3: GV gọi ngẫu nhiên 1 bạn nhận xét sau đó chuẩn kiến thức cho HS.

❖ **Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu nguyên nhân của sự gia tăng dân số thế giới

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- GV đưa ra nội dung thảo luận: ***Tìm các nguyên nhân khiến dân số thế tăng chậm trong nhiều thế kỉ trước thế kỉ XIX và những nguyên nhân khiến dân số thế giới tăng nhanh từ đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX***

Bước 2: Các nhóm tiến hành hoạt động. GV đi xuống lớp hỗ trợ các nhóm.

Bước 3: GV gọi ngẫu nhiên 2 nhóm mang sản phẩm lên thuyết trình. Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: GV sử dụng 1 nhóm có đáp án đúng nhất để chuẩn xác kiến thức cho HS

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu sự bùng nổ dân số (10 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới.
- Giải thích được nguyên nhân của việc gia tăng dân số quá nhanh.
- Đề xuất phương hướng giải quyết bùng nổ dân số

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học, những hiểu biết của mình để đề ra các giải pháp về bùng nổ dân số.

❖ Nội dung chính:

3. Bùng nổ dân số

- Bùng nổ DS là sự gia tăng DS tự nhiên nhanh và đột ngột.
- Bùng nổ DS xảy ra khi tỉ lệ gia tăng bình quân của DS thế giới lên đến 2,1%.
- Các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng DS tự nhiên cao.
- Bằng các chính sách DS và phát triển KT-XH, nhiều nước đã hạ thấp được tỉ lệ gia tăng DS hợp lí.

c) Sản phẩm:

d) Cách thực hiện:

- ❖ **Nhiệm vụ:** Tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp nhằm hạn chế bùng nổ dân số

Bước 1: GV giao nhiệm vụ. GV cho HS hoạt động theo cặp.

Đọc thông tin SGK, kết hợp hiểu biết của bản thân.

- Bùng nổ dân số xảy ra khi nào?
 - Hậu quả của bùng nổ dân số?
 - Đề xuất giải pháp nhằm hạn chế bùng nổ dân số?
- (HS có thể vẽ nhanh sơ đồ ra giấy)

Bước 2: HS trả lời các câu hỏi của GV

Bước 3: GV gọi đại diện 1 cặp lên trình bày sơ đồ tư duy của nhóm mình. HS dựa vào sơ đồ vẽ trên giấy rồi vẽ nhanh sơ đồ tư duy của cặp mình lên bảng

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) *Mục đích:*

- củng cố kiến thức bài học.

b) *Nội dung:*

- Học sinh dựa vào nội dung đã được học trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Hs trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm. (1C; 2C)

d) *Cách thực hiện:*

Câu 1: Khoảng thời gian nào dân số TG tăng gấp đôi DSTG đầu công nguyên?

- | | |
|---------------|----------------|
| A. Thế kỉ X | B. Thế kỉ XIV |
| C. Thế kỉ XVI | D. Thế kỉ XVII |

Câu 2: Hiện nay dân số thế giới có xu hướng như thế nào?

- | | |
|---------------|---------------|
| A. Tăng nhanh | B. Tăng dần |
| C. Giảm dần | D. Không tăng |

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Vận dụng kiến thức đã học

b) *Nội dung:*

- Học sinh vận dụng để giải quyết một số bài tập và hoàn thành nhiệm vụ GV giao cho.

c) *Sản phẩm:*

- Hs nêu được sinh nghĩ của mình.
- Hs hoàn thành được bức tranh đúng chủ đề.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: GV nêu vấn đề cần nghiên cứu.

Em có suy nghĩ gì khi xem 2 bức hình sau



Bước 2: GV giao việc cho HS. GV chia lớp thành 4 nhóm

- Nhóm 1,3: Giả định em là 1 công dân của Ai Cập. Em hãy viết thư gửi đến chính phủ Ai Cập với tiêu đề “Ước mơ chấp cánh” thể hiện mong muốn giảm thiểu mức sinh vì 1 thế hệ tươi sáng hơn. Suu tầm những câu ca dao tục ngữ nói về dân số.
- Nhóm 2,4: Vẽ tranh cổ động hưởng ứng ngày Dân số thế giới. Suu tầm những câu ca dao tục ngữ nói về dân số.

Bước 3: Các nhóm nhận nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện cho GV.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được sự phân bố dân cư không đồng đều và những vùng đông dân trên thế giới.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-it, Nê-grô-it và Ô-rô-pê-ô-it về hình thái bên ngoài của cơ thể (màu da, tóc, mắt, mũi) và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Quan sát và phân tích lược đồ phân bố dân cư thế giới để biết được sự phân bố dân cư thế giới.
- Nhận thức khoa học địa lí: Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các sự phân bố dân cư được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Trách nhiệm: có tình thần đoàn kết dân tộc
- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Nhân ái: có lòng yêu thương con người, không phân biệt chủng tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ phân bố dân cư trên thế giới
- Bản đồ tự nhiên thế giới
- Tranh ảnh các chủng tộc

2. Chuẩn bị của HS

- Sách giáo khoa, tập viết để ghi chép.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo không khí vui tươi trước khi tìm hiểu bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh lắng nghe nội dung bài hát để nêu ý nghĩa của bài hát.

c) Sản phẩm:

- Học sinh viết ra giấy được ý nghĩa của bài hát.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV cho hs nghe một đoạn của bài hát “ Trái đất này là của chúng mình”.

Yêu cầu HS lắng nghe và trả lời câu hỏi: Hãy cho biết những màu sắc nào được nhắc đến trong đoạn nhạc trên? Nêu ngắn gọn ý nghĩa của đoạn bài hát em vừa nghe.

Bước 2: HS trả lời, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 3: Gv tổng kết và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu sự phân bố dân cư trên thế giới (15 phút)

a) *Mục đích:*

- Trình bày được sự phân bố dân cư trên thế giới.

b) *Nội dung:*

- Học sinh quan sát lược đồ phân bố dân cư trên thế giới kết hợp đọc đoạn văn bản SGK trang 8 để tìm hiểu sự phân bố dân cư trên thế giới.

❖ Nội dung chính

- Dân cư trên thế giới phân bố không đồng đều.

+ Tập trung đông ở những đồng bằng, những đô thị, những nơi có khí hậu tốt...

+ Dân cư thưa thớt: vùng núi, vùng sâu, vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc...

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

+ Đông Bắc Hoa Kỳ, Đông Nam Bra-xin,....

+ Dân số TQ: 1,44 tỷ; Dân số Ấn Độ: 1,38 tỷ

+ Dân cư trên thế giới phân bố không đều.

+ Căn cứ vào MĐDS

$$\text{MĐDS} = \frac{\text{Dân số}}{\text{Diện tích}} \text{ (người/km}^2\text{)} \text{ (50,33 ng/km}^2\text{)}$$

+ Đông dân nơi có khí hậu thuận lợi, kinh tế phát triển.

+ Thưa dân ở vùng núi vùng sâu vùng xa, hoang mạc,....

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

❖ Nhiệm vụ 1

GV yêu cầu học sinh quan sát hình 2.1 Lược đồ phân bố dân cư trên thế giới.

- HS kể tên các khu vực đông dân trên thế giới?

- Hai khu vực đông dân nhất trên thế giới?

- Nhận xét về sự phân bố dân cư trên thế giới?

- Theo em, căn cứ vào yếu tố nào người ta biết được nơi nào thưa dân, nơi nào đông dân?

- Tính mật độ dân số biết:
- + Dân số thế giới năm 2020 khoảng 7,5 tỉ người
- + Diện tích đất liền TG khoảng 149 triệu km²

Bước 2: Hs trả lời câu hỏi, Hs khác nhận xét.

Bước 3: Gv nhận xét, chuẩn xác.

❖ **Nhiệm vụ 2**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 2 đội A và B

- + Đội A: Liệt kê nguyên nhân tập trung đông dân ở một khu vực.
- + Đội B: Liệt kê nguyên nhân tập trung thưa dân ở một khu vực.

Bước 2: Hs thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.

Bước 3: GV chốt ý nhận xét và yêu cầu HS nhắc lại

2.2. Hoạt động 2:

a) *Mục đích:*

- Tìm hiểu sự phân bố các chủng tộc.

b) *Nội dung:*

- Học sinh đọc đoạn văn bản SGK trang 8 kết hợp với quan sát hình 2.2 để tìm hiểu đặc điểm các chủng tộc.

❖ **Nội dung chính**

2. Các chủng tộc

- Dân cư thế giới thuộc 3 chủng tộc chính:
 - + Mônggôlôit: Chủ yếu ở Châu Á.
 - + Ôrôpêôit: Chủ yếu ở Châu Âu và Châu Mỹ.
 - + Nêgrôit: Chủ yếu ở Châu Phi.
- Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các chủng tộc đã dần dần chung sống khắp mọi nơi trên Trái đất

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được câu hỏi của giáo viên.
- + 3 chủng tộc chính.
- + Hình thái bên ngoài cơ thể.
- + Màu da, tóc, mắt, mũi,...
- + Mông-gô-lô-ít

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- + Bằng hiểu biết của mình em hãy cho biết trên thế giới này có mấy chủng tộc?
- + Căn cứ vào đâu, người ta chia thành 3 chủng tộc lớn trên thế giới?
- + Trình bày về đặc điểm của ba chủng tộc lớn trên thế giới?
- + Theo em Việt Nam thuộc chủng tộc nào?

+ Có bao giờ em đi ngoài đường và bắt gặp thấy người da trắng và người da đen sinh sống và làm việc ở Việt Nam chưa? Điều đó nói lên điều gì?

Bước 2: Hs thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Hs trình bày trước lớp, Hs khác nhận xét.

Bước 4: GV chốt ý nhận xét.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Cùng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Em biết gì về ảnh hưởng của Nelson Mandela trong việc chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apartheid trên thế giới? Hiện nay, tình trạng kì thị, phân biệt chủng tộc còn hay hết? Em sẽ làm gì để góp phần giảm thiểu vấn đề này?

Bước 2: Hs suy nghĩ trả lời câu hỏi.

Bước 3: Giáo viên tổng kết khen ngợi.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ học tập

c) Sản phẩm:

- Học sinh viết được một bức thư.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Em hãy viết một lá thư gửi cho bạn thuộc chủng tộc khác nói về sự hòa bình chung sống giữa các chủng tộc.

Bước 2: Hs hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Gv tổng kết

Trưởng:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HÓA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- So sánh được sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị về hoạt động kinh tế, mật độ dân số, lối sống.
- Biết sơ lược quá trình đô thị hóa và sự hình thành các siêu đô thị trên thế giới. - - Biết một số siêu đô thị trên thế giới.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Rèn kỹ năng đọc bản đồ, lược đồ: phân bố dân cư, các siêu đô thị trên thế giới, sự phân bố các siêu đô thị trên thế giới.
 - + Xác định trên bản đồ, lược đồ “ Các siêu đô thị trên thế giới”.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.
- Nhân ái: sống hòa thuận, đoàn kết với tất cả mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ dân cư thế giới có các đô thị.
- Ảnh các đô thị VN.
- Một số thành phố lớn trên TG.
- Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Trình bày sự phân bố dân cư trên thế giới?

- Nêu đặc điểm các chủng tộc trên thế giới?

Bước 2: Hs suy nghĩ, thảo luận cặp đôi trả lời.

Bước 3: Học sinh trình bày hiểu biết của mình, học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV chốt kiến thức và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu quần cư nông thôn và quần cư đô thị (15 phút)

a) *Mục đích:*

- So sánh được đặc điểm của quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

b) *Nội dung:*

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 10 và hình 3.1 + 3.2 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ *Nội dung chính*

1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị:

- Có hai kiểu quần cư chính là quần cư nông thôn và đô thị.

Kiểu quần cư Đặc điểm	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Cách tổ chức sinh sống	Làng mạc, thôn xóm, bản	Phố, phường, quận
Hoạt động kinh tế chủ yếu	SX nông- lâm- ngư nghiệp	SX công nghiệp và dịch vụ
Cảnh quan nhà cửa	Phân tán, gần với đất canh tác, rừng	Tập trung san sát

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được câu hỏi của Gv.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- So sánh, giải thích sự khác nhau giữa kn “quần cư” và khái niệm “dân cư”

- YC hs thảo luận nhóm: 4 nhóm

+ Nhóm 1- 2: Quần cư nông thôn.

+ Nhóm 3- 4: Quần cư đô thị.

- Yêu cầu HS quan sát H3.1, H3.2 SGK.

- Sự khác nhau giữa 2 kiểu quần cư?

- Yêu cầu hs tìm hiểu: *hoạt động KT chủ yếu, cách tổ chức sống, cảnh quan nhà cửa*

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Gọi đại diện nhóm trình bày, bổ sung

Bước 4: GV chuẩn xác.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu đô thị hóa. Các siêu đô thị (20 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm của đô thị, siêu đô thị
- Giải thích và phân tích được quá trình đô thị hóa và liên hệ với địa phương

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 11 và hình 3.3 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

2. Đô thị hóa, siêu đô thị

- Đô thị xuất rất sớm và phát triển mạnh nhất ở thế kỷ XIX là lúc công nghiệp phát triển
- Các siêu đô thị ngày càng phát triển ở các nước đang phát triển ở Châu á và Nam Mỹ
- Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, hiện nay tỉ lệ dân thành thị chiếm 54% dân số thế giới
- Đô thị hóa có nhiều tích cực (phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống...) nhưng cũng có nhiều hậu quả (ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên...)

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Quan sát 2 bức tranh về sự thay đổi của 1 vùng đất và phát biểu khái niệm Đô thị hóa >>> HS trả lời nhanh, GV chốt về khái niệm Đô thị hóa

	
<p>Phú Mỹ Hưng – TP.HCM năm 1996</p>	<p>Phú Mỹ Hưng – TP.HCM năm 2018</p>

Bước 2: Trả lời các câu hỏi:

- + Số lượng các đô thị thay đổi ra sao?
- + Tại sao ngày càng có nhiều đô thị hình thành và tỉ lệ dân thành thị tăng cao

Bước 3: Hs trả lời nhanh.

Bước 4: Hoạt động “Tôi tài năng” – GV yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành câu hỏi:

Đô thị hóa có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực như thế nào?

HS thi trả lời theo đội – Nhóm nam và nhóm nữ thi đấu với nhau. Nhóm này nêu ra tích cực thì nhóm kia nêu ra tiêu cực. Trả lời cho đến khi phân biệt thắng thua.

Bước 5:

+ GV cung cấp thêm thông tin cho Hs

 <p style="text-align: center;">Ấn Độ</p>	 <p style="text-align: center;">Hong Kong</p>
---	--

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

“Giải pháp nào để phát triển đô thị Xanh – sạch – đẹp” hiệu quả

HS suy nghĩ ghi thông tin ra giấy note trong 1 phút

Bước 2: HS trao đổi thống nhất quan điểm nhóm trong 1 phút

Bước 3: Gọi ngẫu nhiên đại diện lên hùng biện tranh tài trong 1 phút

Bước 4: Các nhóm khác phản biện, thống nhất giải pháp nhằm phát triển đô thị hiệu quả.

Bước 5: Gv tổng kết khen ngợi.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Bước 2: Hướng dẫn học sinh viết báo cáo, thu thập tư liệu

+ Mẫu báo cáo: Những biểu hiện của đô thị hóa tại địa phương; Những tác động của đô thị hóa; Những giải pháp địa phương đang thực hiện; Những đề xuất của em/

+ Tư liệu: Hình ảnh chụp, thông tin từ website của tỉnh

Bước 3: Hs về nhà thực hiện nhiệm vụ

Bước 4: Gv tổng kết

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

Nội dung kiến thức:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Củng cố cho HS kiến thức đã học của toàn chương.
- HS hiểu được khái niệm mật độ DS và sự phân bố dân cư không đều trên TG. Khái niệm đô thị, siêu đô thị và sự phân bố siêu đô thị ở châu Á.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Nhận biết một số cách thể hiện mật độ dân số, phân bố dân số, các đô thị... nhận dạng tháp tuổi.

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động làm việc cá nhân và nhóm
- Chăm chỉ:

Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong tiết học.

Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được (ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác) vào học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ tự nhiên châu Á, bản đồ phân bố dân cư châu Á

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) *Mục đích:*

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) *Nội dung:*

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh đọc được tên các siêu đô thị ở châu Á.

+ Châu Á có có hàng chục siêu đô thị, tiêu biểu như Tokyo, Mumbai...

d) *Cách thực hiện:*

- **Bước 1:** GV giới thiệu thể lệ trò chơi

+ Chia lớp thành các nhóm nhỏ

+ Thành viên trong nhóm nắm chặt tay nhau, hô vang khẩu hiệu quyết tâm để cùng tham gia trò chơi

+ HS có 15s để lần lượt đọc tên siêu đô thị trên thế giới. 1 điểm/đáp án đúng

- **Bước 2:** GV tiến hành trò chơi. Lưu ý quy định luật chơi (không lặp, nhắc lại, ngưng... là loại)

- **Bước 3:** GV tổng kết hoạt động và khen ngợi

- **Bước 4:** GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới

+ Có nhiều siêu đô thị

+ Châu Á có có hàng chục siêu đô thị, tiêu biểu như Tokyo, Mumbai... Các đô thị này thường tập trung ở đâu, lí do? Trong bài hôm nay chúng ta cùng giải quyết

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Bài tập 2

a) *Mục đích:*

- Nhận xét về sự thay đổi dân của TPHCM.

b) *Nội dung:*

- Học sinh quan sát hình 4.2 + 4.3 và dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

❖ *Nội dung chính*

Tháp tuổi	Tháp năm 1989	Tháp năm 1999
Đặc điểm		
Hình dáng	Đáy tháp: rộng	Đáy hẹp hơn
Dưới tuổi LĐ (0- 4t)	Nam: 5 tr Nữ: 4,5 tr	Nam: 3, 8 tr Nữ: 3, 5 tr
Trong tuổi LĐ	Đông nhất 15- 19	Đông nhất: 20- 24; 25- 29

→ Sau 10 năm, dân số ở TPHCM đã “già” đi

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

Tháp tuổi	Tháp năm 1989	Tháp năm 1999
Đặc điểm		
Hình dáng	Đáy tháp: rộng	Đáy hẹp hơn
Dưới tuổi LĐ (0- 4t)	Nam: 5 tr Nữ: 4,5 tr	Nam: 3, 8 tr Nữ: 3, 5 tr

Trong tuổi LD	Đồng nhất 15- 19	Đồng nhất: 20- 24; 25- 29
---------------	------------------	---------------------------

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Hướng dẫn HS đọc 2 tháp tuổi
- Chia nhóm thảo luận 6 nhóm
- + Nhóm 1-2-3: tháp 1989
- + Nhóm 4-5-6: tháp 1999
- Phát phiếu học tập, yêu cầu HS hoàn thành

Tháp tuổi	Tháp năm 1989	Tháp năm 1999
Đặc điểm		
Hình dáng		
Dưới tuổi LD (0- 4t)		
Trong tuổi LD		

Bước 2: HS Thảo luận hoàn thành phiếu

Bước 3: HS trả lời, nhận xét

Bước 4: GV chuẩn xác

2.2. Hoạt động 2: Bài tập 3

a) *Mục đích:*

- Tìm hiểu sự phân bố dân cư ở châu Á và các siêu đô thị.

b) *Nội dung:*

❖ *Nội dung chính*

- Những khu vực tập trung đông dân: Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á.
- Các đô thị thường tập trung ở ven biển, cửa sông.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.
- + Những khu vực tập trung đông dân: Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á.
- + Các đô thị thường tập trung ở ven biển, cửa sông.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Gv cho HS thảo luận theo bàn :

- Những khu vực nào tập trung đông dân?
- Các đô thị lớn ở châu Á tập trung ở đâu? Giải thích?

Bước 2: Hs thảo luận.

Bước 3: Đại diện nhóm trình bày, nhận xét

Bước 4: GV Chuẩn xác

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Cùng cố lại nội dung bài học.

b) *Nội dung:*

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: GV nhận xét một số bài làm

Bước 2: Trao đổi với HS và phân tích một số lỗi sai

Bước 3: GV khen ngợi các HS có tiến bộ, nhóm làm tốt, các hoạt động của HS

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) *Nội dung:*

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Nhắc lại về sơ đồ tư duy

Bước 2: Giao nhiệm vụ

- Đọc qua các bài 5 – 24

- Liệt kê các môi trường của từng đới

- Thiết kế mindmap đơn giản để khái quát các môi trường chính

Bước 3: Dặn dò HS

Hoàn thiện sơ đồ tư duy

Trang trí thêm hình vẽ và icon

Hôm sau sẽ chia sẻ sản phẩm

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: ĐỚI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm của môi trường xích đạo ẩm (nhiệt độ, lượng mưa quanh năm và có rừng rậm thường xanh quanh năm).
- Giải thích được đặc điểm tự nhiên của môi trường xích đạo ẩm.
- Đề xuất giải pháp ngăn chặn tình trạng suy giảm tài nguyên rừng nơi đây.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

* **Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: xác định được vị trí đới nóng trên bản đồ thế giới và các kiểu môi trường đới nóng.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Đọc được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của môi trường xích đạo và sơ đồ lát cắt của rừng rậm xích đạo quanh năm.
 - + Đọc hiểu văn bản Địa lí
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: đưa ra các giải pháp ngăn chặn suy giảm tài nguyên rừng.

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Trách nhiệm: sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên rừng.

- Chăm chỉ:

Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong tiết học.

Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được (ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác) vào học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ các môi trường địa lí;
- Tranh ảnh rừng rậm xanh quanh năm.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để đoán được các từ khóa

c) Sản phẩm:

- Học sinh đoán được các từ khóa.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV giới thiệu thể lệ trò chơi
 - + Có các khái niệm, thuật ngữ Địa lí
 - + 2 người trả lời
 - + Các thành viên trong lớp gợi ý, cả 2 cùng đoán
 - + Người đoán đúng và nhanh hơn sẽ chiến thắng

- + Người gọi ý không lặp từ, tách từ
- **Bước 2:** GV gọi 2 HS lên bảng, GV ghi các từ khóa vào tờ giấy nhỏ, cho 2 HS gọi ý và dưới lớp đoán từ. (Chí tuyến, Xích đạo, Nóng, Ấm, Ôn Hòa, Lạnh)
- **Bước 3:** GV tổng kết hoạt động và khen ngợi
- **Bước 4:** GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đới nóng (15 phút)

a) Mục đích:

- Biết được đặc điểm đới nóng.

b) Nội dung:

Học sinh quan sát hình 5.1 kết hợp khai thác nội dung văn bản sgk trang 15 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

I. Đới nóng

- Nằm giữa 2 chí tuyến liên tục từ tây sang đông .
- Đặc điểm : Nhiệt độ cao quanh năm , có gió Tín Phong, giới động, thực vật đa dạng, nơi đông dân

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

Tiêu chí	Thông tin
Vị trí	Chí tuyến Bắc đến CT Nam
Nhiệt độ	Cao, trên 20 độ
Gió	Tín phong
Diện tích	Lớn
Sinh vật	Đa dạng
Dân số	Đông
Quốc gia tiêu biểu	Việt Nam, Ấn Độ...
Các môi trường	Nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa, hoang mạc và xích đạo ẩm

d) Cách thực hiện:

- Bước 1: GV nêu yêu cầu

+ Dựa vào hình 5.1 xác định vị trí của đới nóng (Ranh giới của đới nóng trên thực tế không hoàn toàn trùng khớp với đường chí tuyến (chỉ trên LĐ)

+ Tại sao đới nóng có tên là “Nội chí tuyến”

+ So sánh diện tích của đới nóng với diện tích đất nổi trên TD

- **Bước 2:** Nêu các đặc điểm khí hậu của đới nóng ? (nhiệt độ, gió chính, lượng mưa, sinh vật). HS hoàn thành PHT theo cặp trong 2 phút.

Tiêu chí	Thông tin
Vị trí	
Nhiệt độ	
Gió	
Diện tích	
Sinh vật	
Dân số	
Quốc gia tiêu biểu	
Các môi trường	

Bước 3: Đánh giá

- + GV chuyển thành câu hỏi ngắn, gọi ngẫu nhiên HS trả lời
- + HS chỉ trên lược đồ thông tin

Bước 4: GV nhấn mạnh kiến thức và sự phân hóa của đới nóng và yêu cầu:

- + HS so sánh các đới
- + Tại sao chia thành nhiều kiểu môi trường?

Bước 5: HS trả lời, GV nhấn mạnh hình thái lãnh thổ + các yếu tố tự nhiên như địa hình, dòng biển >>>> sự phân hóa.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu môi trường xích đạo ẩm (20 phút)*a) Mục đích:*

- Trình bày được đặc điểm của môi trường xích đạo ẩm.
- Đề xuất giải pháp ngăn chặn tình trạng suy giảm tài nguyên rừng nơi đây.

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5 và khai thác đoạn văn bản sgk trang 16, 17, 18 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính**II. Môi trường xích đạo ẩm.****1. Khí hậu**

- Vị trí: Nằm chủ yếu từ 5° B- 5° N
- Khí hậu:
 - + nóng và ẩm quanh năm
 - + biên độ nhiệt rất nhỏ (khoảng 3°C)
 - + mưa quanh năm, TB từ 1500-2500 mm
 - + độ ẩm rất cao, TB>80%

2. Rừng rậm xanh quanh năm.

- Rừng cây phát triển rậm rạp, xanh tốt quanh năm, mọc thành nhiều tầng
- Có nhiều loài cây và có nhiều loài chim thú sinh sống

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

- Học sinh ghi ra giấy các câu trả lời.

d) *Cách thực hiện:*

- **Bước 1:** Xác định vị trí của môi trường xích đạo ẩm, quốc gia nào nằm trọn vẹn trong môi trường xích đạo ẩm?

- **Bước 2:** chia lớp làm 4 nhóm, thảo luận nội dung như phiếu học tập

Nhóm chẵn: Nhận xét diễn biến nhiệt

Nhóm lẻ: Nhận xét diễn biến lượng

độ trong năm

mưa trong năm

1. Nhiệt độ tháng cao nhất, thấp nhất. Chênh lệch bao nhiêu?	1. Tháng nào không mưa
2. Đường biểu diễn nhiệt độ TB tháng có đặc điểm gì?	2. Đặc điểm lượng mưa các tháng
3. Nhiệt độ TB năm?	3. Lượng mưa TB năm?
- Kết luận chung về nhiệt độ?	- Kết luận chung về lượng mưa?

- **Bước 3:**

+ Quan sát H5.4, cho biết rừng có mấy tầng chính, tại sao lại có nhiều tầng?

GV nêu vấn đề: Hiện nay, rừng rậm nhiệt đới đang bị suy giảm nhanh. Hãy thảo luận các vấn đề sau:

+ Nguyên nhân của việc suy giảm

+ Hậu quả

+ Giải pháp

Bước 4: Hs đại diện trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung

Bước 5: Gv nhận xét, chuẩn xác

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) *Mục đích:*

- củng cố lại nội dung bài học.

b) *Nội dung:*

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

- Học sinh tham gia trò chơi.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Nêu thể lệ

- HS làm việc cá nhân

- Nếu cho là đáp án đúng thì giơ tay sau ngay tiếng đếm

- Nếu sai sẽ làm quan sát viên, hỗ trợ thầy

Bước 2: Tiến hành trò chơi, 10 câu hỏi ngắn dạng đúng/sai

- Đới nóng nằm giữa hai chí tuyến

- Đới nóng có ở tất cả các châu lục

- Đới nóng là nơi có gió Tín phong

- Môi trường xích đạo ẩm tiêu biểu ở Indonesia

- Môi trường xích đạo ẩm có mưa cao vào mùa hè

- Môi trường xích đạo ẩm có biên độ nhiệt nhỏ
- Môi trường xích đạo ẩm có rừng phát triển, 3 tầng tán
- Môi trường xích đạo ẩm có ở Việt Nam
- Đới nóng có 3 môi trường
- Môi trường xích đạo ẩm nằm từ 10 độ Bắc đến Nam

Bước 3: GV khen ngợi các HS đúng toàn bộ.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) *Nội dung:*

- Vận dụng kiến thức đã học để vẽ sơ đồ tư duy

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh vẽ được sơ đồ tư duy.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Vẽ sơ đồ tư duy

Bước 2: Báo cáo kết quả của mỗi nhóm

Bước 3: Dặn dò HS

Hoàn thiện sơ đồ tư duy

Trang trí thêm hình vẽ và icon

Hôm sau sẽ chia sẻ sản phẩm

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới.
- So sánh đặc điểm của môi trường nhiệt đới và môi trường xích đạo ẩm.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

* **Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: xác định vị trí của môi trường nhiệt đới trên bản đồ.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Đọc các biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa để nhận biết đặc điểm khí hậu của môi trường nhiệt đới.
 - + Quan sát tranh ảnh và nhận xét các cảnh quan ở môi trường nhiệt đới.

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Trách nhiệm: bảo vệ nguồn tài nguyên, khí hậu, bảo vệ môi trường.
- Chăm chỉ: tích cực trong các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ khí hậu thế giới;
- Hình 6.1 và 6.2 phóng to;
- Ảnh xa van ,trăng cỏ nhiệt đới.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Đới nóng phân bố ở đâu, có đặc điểm gì ? Kể tên các kiểu môi trường ở đới nóng .

- Nêu đặc điểm khí hậu môi trường xích đạo ẩm?

Bước 2: Hs suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Học sinh trình bày hiểu biết của mình, học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV chốt kiến thức và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm khí hậu môi trường nhiệt đới (20 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm khí hậu môi trường nhiệt đới.
- So sánh đặc điểm khí hậu môi trường nhiệt đới với môi trường xích đạo ẩm.

b) Nội dung:

- Học sinh phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa hình 6.1, 6.2 kết hợp khai thác nội dung văn bản sgk trang 20 để trả lời các câu hỏi.

❖ **Nội dung chính**

1. Khí hậu :

- Nằm từ vĩ tuyến 5⁰C đến chí tuyến ở cả hai bán cầu.
- Đặc điểm: nóng (trên 20⁰C) và lượng mưa tập trung vào một mùa (từ 500 mm đến 1500mm).
- Càng về gần hai chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài và biên độ nhiệt trong năm càng lớn.

c) *Sản phẩm:*

- Hs trả lời được các câu hỏi của giáo viên và hoàn thành PHT.

Yếu tố	Ma-la-can (9⁰ B)	Gia –mê- na (12⁰ B)
Nhiệt độ cao nhất	29 ⁰ C	32.5 ⁰ C
Nhiệt độ thấp nhất	26 ⁰ C	22.5 ⁰ C
Biên độ nhiệt độ	3 ⁰ C	10 ⁰ C
Lượng mưa cả năm	860 mm	620 mm
Các tháng có mưa	Tháng 3 – 11	Tháng 4 – 10
Tháng khô hạn	Tháng 12,1,2	Tháng 11,12,1,2,3

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới
- Xác định vị trí Malacan và Gia mêna .
- Quan sát hình 6.1 nhận xét về sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa của Malacan và Giamêna. Điền thông tin vào bảng

Yếu tố	Ma-la-can (9⁰ B)	Gia –mê- na (12⁰ B)
Nhiệt độ cao nhất		
Nhiệt độ thấp nhất		
Biên độ nhiệt độ		
Lượng mưa cả năm		
Các tháng có mưa		
Tháng khô hạn		

+ Nhóm 1,2: Malacan .

+ Nhóm 3,4: Gia mêna .

- Chế độ nhiệt và lượng mưa hai địa điểm này khác nhau như thế nào ?
- Từ phân tích trên nêu đặc điểm khí hậu nhiệt đới .
- So sánh với môi trường Xích đạo ẩm .

Bước 2: Các nhóm tiến hành thảo luận.

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày – nhận xét .

Bước 4: GV Chuẩn xác kiến thức.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các đặc điểm khác của môi trường (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được các đặc điểm khác của môi trường nhiệt đới.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 21 kết hợp quan sát hình 6.3 và 6.4 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

2. Các đặc điểm khác của môi trường

- Đất đai: đất feralit đỏ vàng của miền nhiệt đới rất dễ bị xói mòn, rửa trôi nếu không được cây cối che phủ và canh tác hợp lý .

- Sông ngòi: Sông ngòi nhiệt đới có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn.

- Thực vật: Thảm thực vật thay đổi dần về hai chí tuyến (từ rừng thưa sang đồng cỏ cao nhiệt đới, cuối cùng là vùng cỏ thưa thớt và cây bụi).

- Động vật: khá phong phú về số loài (thú ăn cỏ lớn và thú ăn thịt)

- Hđ sản xuất và con người: Ở vùng nhiệt đới có thể trồng được nhiều cây lương thực và cây công nghiệp. Đây là một trong những khu vực đông dân của thế giới.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời đúng các câu hỏi của giáo viên. Hoàn thành đúng luật trò chơi.

➤ *1 năm ở môi trường nhiệt đới có 2 mùa >>> đúng*

➤ *Mùa mưa, sinh vật phát triển mạnh >>> đúng*

➤ *Mùa mưa, nước sông dâng cao >>> đúng*

➤ *Loại đất chính ở đây là đất phù sa >>> sai*

➤ *Đất feralit có chứa nhiều sắt nên có màu xám >>> sai*

➤ *Môi trường nhiệt đới, đất đai dễ bị xói mòn >>> đúng*

➤ *Rừng ở đây được bảo tồn tốt >>> sai*

➤ *Thảm thực vật thay đổi dần về hai chí tuyến. Càng về chí tuyến càng phát triển mạnh >>> sai*

➤ *Xavan là cảnh quan tiêu biểu của môi trường này >>> đúng*

➤ *Đây là môi trường có ít dân >>> sai*

➤ *Môi trường này thích hợp cho phát triển cây lương thực và cây*

CN>>>đúng

- *Việt Nam nằm trong môi trường này >>> sai*
- *Tài nguyên suy giảm nhanh là do dân số quá đông >>> đúng*
- *Hoang mạc hóa đang diễn ra nhưng ko đáng kể ở đây >>> sai*

d) *Cách thực hiện:*

- **Bước 1:** GV giới thiệu trò chơi “**ĐÁU TRƯỜNG SÔI ĐỘNG**”

+ HS có 3 phút đọc SGK, gạch chân ý chính, suy nghĩ các câu hỏi tại sao.

+ Trò chơi đúng – sai theo hình thức giờ tay. Nếu cho rằng là đúng thì giờ – nếu cho là sai thì không giờ tay.

+ Nếu đúng được tham gia tiếp

+ Nếu sai ra các vị trí được bố trí sẵn làm quan sát viên

+ Các câu hỏi xoay quanh nội dung bài học

+ 3s cho suy nghĩ và giờ tay, chạm trề là bị loại

- **Bước 2:** GV thực hiện trò chơi, đọc câu hỏi, có thể mở chút nhạc cho hào hứng nhưng mở nhỏ

- *1 năm ở môi trường nhiệt đới có 2 mùa*
- *Mùa mưa, sinh vật phát triển mạnh*
- *Mùa mưa, nước sông dâng cao*
- *Loại đất chính ở đây là đất phù sa*
- *Đất feralit có chứa nhiều sắt nên có màu xám*
- *Môi trường nhiệt đới, đất đai dễ bị xói mòn*
- *Rừng ở đây được bảo tồn tốt*
- *Thảm thực vật thay đổi dần về hai chí tuyến. Càng về chí tuyến càng phát triển mạnh*
- *Xavan là cảnh quan tiêu biểu của môi trường này*
- *Đây là môi trường có ít dân*
- *Môi trường này thích hợp cho phát triển cây lương thực và cây CN*
- *Việt Nam nằm trong môi trường này*
- *Tài nguyên suy giảm nhanh là do dân số quá đông*

➤ Hoang mạc hóa đang diễn ra nhưng ko đáng kể ở đây

- **Bước 3:** GV khen ngợi các HS xuất sắc.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

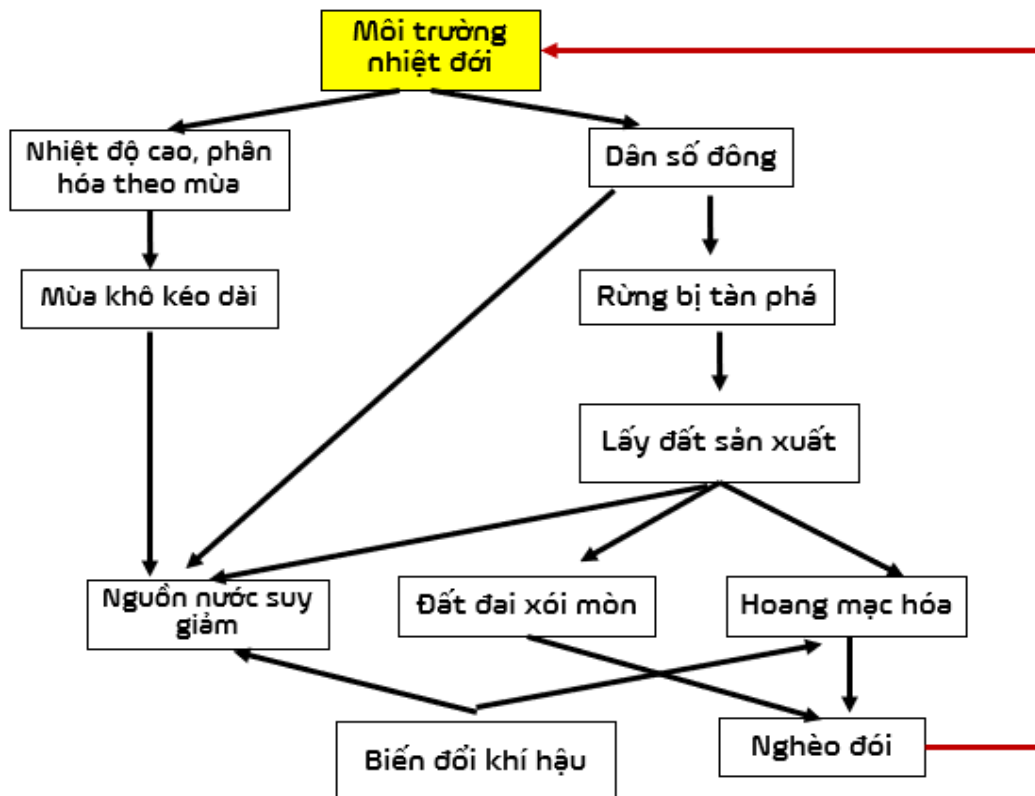
- củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành bài tập được giao.



d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV cho HS các từ khóa, yêu cầu HS sắp xếp, nối lại thành sơ đồ hoàn chỉnh, thể hiện các mối quan hệ nhân quả.



- **Bước 2:** HS làm việc trong 2 phút, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ nếu cần
- **Bước 3:** GV mời 2 HS ngẫu nhiên cùng lên gắn lên bảng từ và dùng mũi tên nối lại.
- **Bước 4:** GV và HS cùng nhận xét, điều chỉnh để hoàn thiện sơ đồ. HS vẽ vào vở. GV chốt kiến thức. HS có thể nối thêm nhiều mũi tên càng tốt.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.
- Khô hạn kéo dài, hiện tượng hoang mạc hóa, tài nguyên suy giảm...

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Hiện nay vấn đề nào đang được quan tâm ở MTNĐ ?

Bước 2: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 3: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới gió mùa.
- Phân tích được mối quan hệ giữa con người với tài nguyên môi trường ở môi trường nhiệt đới gió mùa.
- Phân tích được mối quan hệ giữa khí hậu và cảnh quan thiên nhiên trong môi trường nhiệt đới gió mùa.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: xác định được những khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: phân tích, nhận xét biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của Hà Nội và Mumbai.

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Trách nhiệm: ứng phó với biến đổi khí hậu, tôn trọng quy luật tự nhiên.
- Chăm chỉ: tích cực chủ động trong các hoạt động học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ khí hậu châu Á;
- Tranh ảnh về cảnh quan môi trường nhiệt đới gió mùa;
- Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Hs ghi ra giấy được các đặc điểm của rừng nhiệt đới ẩm.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh. Học sinh quan sát và nêu ra những đặc điểm của rừng rậm nhiệt đới ẩm.



- **Bước 2:** Học sinh làm việc cá nhân và đưa ra đáp án của mình.
- **Bước 3:** Giáo viên cho học sinh báo cáo vòng tròn và dẫn vào bài học.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm khí hậu môi trường nhiệt đới gió mùa (20 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của môi trường nhiệt đới gió mùa.
- Phân tích được mối quan hệ giữa con người với tài nguyên môi trường ở môi trường nhiệt đới gió mùa.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang kết hợp quan sát hình để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

1. Khí hậu

- Môi trường nhiệt đới gió mùa điển hình ở Nam Á và Đông Nam Á.
- Gió mùa mùa hạ thổi từ biển vào ở Nam Á và Đông Nam Á có hướng Tây Nam. Loại gió này mang theo nhiều hơi ẩm, gây mưa lớn.
- Gió mùa mùa đông thổi từ lục địa thổi đến Nam Á và Đông Nam Á có hướng Đông Bắc. Loại gió này mang theo không khí lạnh khô.
- Đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa đó là: Có nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió. Thời tiết diễn biến thất thường.
- + Nhiệt độ trung bình 200C
- + Lượng mưa trung bình 1000mm/năm. Có nơi mưa nhiều hơn tùy thuộc vị trí gần hay xa biển, đón gió hay khuất gió.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

Địa điểm/Tiêu chí	Hà Nội (21⁰B)	Mum – bai (19⁰B)
--------------------------	---------------------------------	------------------------------------

Nhiệt độ cao nhất/tháng	30°C/T6	30°C/T4
Nhiệt độ thấp nhất/tháng	18°C/T1	23°C/T12
Biên độ nhiệt	12°C	7°C
Các tháng mưa trên 100mm	T5 – T10	T6 – T9
Các tháng khô hạn và ít mưa	T11 – T4	T10 – T5
<i>Diễn biến nhiệt độ của Hà Nội và Mum – bai trong năm có gì khác nhau.</i>	Hà nội có mùa đông lạnh, mùa đông mưa nhiều hơn ở Mum-bai Mum-bai nóng quanh năm	
<i>Nêu đặc điểm chung nhất của khí hậu nhiệt đới gió mùa.</i>	Nhiệt độ trung bình >20°C Lượng mưa trên 1500mm	

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giáo viên đưa bản đồ khí hậu châu Á lên. Yêu cầu học sinh xác định trên bản đồ khu vực hoạt động của gió mùa và xác định vị trí của Việt Nam trong lược đồ.
Giáo viên treo 2 lược đồ 2 mùa gió ở Nam Á và Đông Nam Á, gợi ý để học sinh trả lời và chỉ dẫn trên lược đồ hướng gió ở 2 khu vực và giải thích vì sao có sự chênh lệch lượng mưa rất lớn giữa mùa hạ và mùa đông.

Bước 2: Giáo viên giao nhiệm vụ: thảo luận nhóm

Nhóm lẻ: Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội – đại diện cho Đông Nam Á

Nhóm chẵn: Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Mumbai – đại diện cho Nam Á

Quan sát biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của Hà Nội và Mumbai. Hoàn thành phiếu học tập.

Địa điểm/Tiêu chí	Hà Nội (21°B)	Mum – bai (19°B)
Nhiệt độ cao nhất/tháng		
Nhiệt độ thấp nhất/tháng		
Biên độ nhiệt		
Các tháng mưa trên 100mm		
Các tháng khô hạn và ít mưa		
<i>Diễn biến nhiệt độ của Hà Nội và Mum – bai trong năm có gì khác nhau.</i>		
<i>Nêu đặc điểm chung nhất của khí hậu nhiệt đới gió mùa.</i>		

- **Bước 3:** Giáo viên cho các nhóm báo cáo vòng tròn theo từng ý đã nêu trong phiếu học tập.

- **Bước 4:** Giáo viên chốt nội dung.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các đặc điểm khác của môi trường nhiệt đới gió mùa (15 phút)

a) Mục đích:

- Học sinh trình bày được sự thay đổi nhiệt độ, lượng mưa, thảm thực vật, cây trồng của môi trường nhiệt đới gió mùa.
- Giải thích được vì sao cảnh sắc thiên nhiên trong môi trường thay đổi trong năm.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 24, 25 kết hợp quan sát hình 7.5, 7.6 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

2. Các đặc điểm khác của môi trường.

- Đây là môi trường đa dạng và phong phú của đới nóng.
- Nhịp điệu mùa ảnh lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và con người trong khu vực.
- Đây là vùng thích hợp để trồng cây lương thực (lúa gạo) và cây công nghiệp.
- Là nơi sớm tập trung đông dân nhất Thế giới.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.
- Hs hoàn thành phiếu học tập

Hãy điền tên các thảm thực vật tương ứng với các điều kiện khí hậu trong môi trường nhiệt đới gió mùa.



Vì sao môi trường nhiệt đới có nhiều dân cư sinh sống nhất thế giới.

Khí hậu thuận lợi, đất đai phù hợp trồng lúa nước và các loại cây công nghiệp.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** Giáo viên cho học sinh đọc đoạn thông tin sau và phát phiếu học tập để mỗi cá nhân trong lớp hoàn thành.

Đọc đoạn thông tin sau:

“Môi trường nhiệt đới gió mùa có nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió. Mưa nhiều vào mùa gió thổi từ biển vào lục địa và mưa ít vào mùa gió thổi từ lục địa ra đại dương. Tuy lượng mưa vào mùa khô ít nhưng vẫn đủ ẩm để tạo nên thảm thực vật đa dạng và phong phú với nhiều tầng. Môi trường nhiệt đới gió mùa thích hợp trồng các cây trồng nhiệt đới như lúa nước, cao su, cà phê. Tuy nhiên, môi trường nhiệt đới gió mùa có thời tiết diễn biến thất thường, gây ảnh hưởng tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống con người”

- **Bước 2:** Học sinh có 5 phút để hoàn thành phiếu học tập

Hãy điền tên các thảm thực vật tương ứng với các điều kiện khí hậu trong môi trường nhiệt đới gió mùa.

Điều kiện khí hậu	Cảnh quan	Thảm thực vật
Nhiệt đới gió mùa mưa nhiều		
Nhiệt đới gió mùa mưa ít		
Nhiệt đới gió mùa ở vùng cửa sông		

Vì sao môi trường nhiệt đới có nhiều dân cư sinh sống nhất thế giới.

.....

.

.....

.

Bước 3: Giáo viên kiểm tra và cho học sinh 2 phút để trao đổi trong nhóm hoàn thành phiếu học tập của mình.

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức và chuẩn lại nội dung.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giáo viên cho học sinh quan sát các bức tranh về cảnh quan của môi trường nhiệt đới và tìm các thẻ từ khóa ở dưới ghép với bức tranh.



Đồi chè

Đồng bằng

Bước 2: HS tham gia hoạt động

Bước 3: HS giới thiệu nhanh nội dung các bức tranh, liên hệ với địa phương trong sản xuất nông nghiệp, thời tiết, thiên tai

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Sưu tầm tài liệu, ảnh chụp, tranh vẽ về thiên nhiên MTNĐGM

Bước 2: HS về nhà sưu tầm, tiết sau trình bày.

Trưởng:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm chung của dân số các nước thuộc môi trường thuộc đới nóng.
- Đánh giá được nguyên nhân, hậu quả của việc dân số tăng nhanh.
- Xây dựng sơ đồ kiến thức về dân số và tác động
- Đề xuất giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề dân số

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: phân tích hình ảnh, khai thác văn bản địa lí.

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Chăm chỉ: tích cực, chăm chỉ trong các hoạt động học.
- Trách nhiệm: bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ phân bố dân cư ở đới nóng.
- Tư liệu bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh kể tên các quốc gia đông dân trên thế giới.
- + Trung Quốc, Ấn Độ,...

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Kể tên các quốc gia đông dân trên thế giới mà em biết?

Bước 2: Hs suy nghĩ trả lời.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài mới.

Trên thế giới có rất nhiều nước đông dân, trên 100 triệu, thậm chí cả tỉ người, trong đó có không ít nước thuộc đới nóng. Điều này thực sự đã gây nên nhiều sức ép đến

kinh tế - xã hội – tài nguyên và môi trường ở mỗi quốc gia. Vậy thực trạng vấn đề đó như thế nào? Giải pháp ra sao, mời các em đến với các tiểu phẩm của các nhóm.”

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu dân số đới nóng (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm chung của dân số các nước thuộc môi trường thuộc đới nóng.
- Đánh giá được nguyên nhân, hậu quả của việc dân số tăng nhanh.
- Đề xuất giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề dân số

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 33 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

1 . Dân số :

- Chiếm gần 50 % dân số thế giới .
- Tập trung đông : Đông Nam Á , Nam Á , Tây Phi
- Bùng nổ dân số gay gắt khó khăn cho phát triển kinh tế và đời sống .

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.
- + Đông Nam Á, Nam Á, Tây Phi, Đông Nam Braxin.
- + Tài nguyên cạn kiệt nhanh chóng, môi trường, rừng, biển bị xuống cấp, tác động xấu đến nhiều mặt...

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV cho HS quan sát lược đồ và cho biết dân cư ở đới nóng sống tập trung ở những khu vực nào ?
- Dân số đới nóng chiếm gần 50% dân số thế giới nhưng chỉ tập trung sinh sống ở 4 khu vực đó, thì sẽ có tác động gì đến nguồn tài nguyên và môi trường ở những nơi đó ?
- GV cho HS quan sát biểu đồ 1.4 và cho biết tình trạng gia tăng dân số hiện nay của đới nóng như thế nào ?
- Trong khi tài nguyên môi trường đang bị xuống cấp thì sự bùng nổ dân số ở đới nóng có tác động như thế nào ?

Bước 2: Hs suy nghĩ, thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Hs trình bày trước lớp, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv chuẩn xác. (*Tích hợp giáo dục môi trường*)

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sức ép của của dân số tới tài nguyên, môi trường (20 phút)

a) Mục đích:

- Xây dựng sơ đồ kiến thức về dân số và tác động
- Đề xuất giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề dân số

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 33, 34 kết hợp quan sát hình 10.1 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

2. Sức ép của của dân số tới tài nguyên , môi trường :

- Dân số tăng nhanh làm cho đời sống khó cải thiện, làm cho tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt do khai thác quá mức, làm cho môi trường bị tàn phá .

- Cần phải :

+ Giảm tỉ lệ gia tăng dân số .

+ Tăng cường phát triển kinh tế , nâng cao đời sống nhân dân

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

+ Sản lượng lương thực 1975 - 1990 tăng từ 100% lên hơn 110% .Tăng dân số tự nhiên 1975 - 1990 từ 100% lên gần 160% .

=> Cả hai đều tăng, nhưng lương thực không tăng kịp với đà gia tăng dân số.

+ Do dân số tăng nhanh hơn là tăng lương thực.

+ Giảm tốc độ gia tăng dân số, nâng mức tăng lương thực lên.

+ Dân số : tăng từ 360 triệu lên 442 triệu người .

+ Diện tích rừng : giảm từ 240,2 xuống còn 208,6 triệu ha

=> dân số càng tăng thì diện tích rừng càng giảm, do : cất nhà, xd thêm đường giao thông, bệnh viện, trường học ...

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Yêu cầu cá nhân hs quan sát hình 10.1,→gv giải thích các kí hiệu .

- Biểu đồ bình quân lương thực đầu người : giảm từ 100% xuống còn 80% . Nêu nguyên nhân giảm ?

- Biện pháp để tăng bình quân lương thực đầu người lên là gì?

- Yêu cầu hs hoạt động theo cặp, cho HS phân tích bảng số liệu dân số và rừng ở Đông Nam Á năm 1980 - 1990) và nhận xét.

Bước 2: HS suy nghĩ.

Bước 3: Hs trình bày, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV chốt kiến thức.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Tại sao việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số là công việc cấp bách cần tiến hành ngay ở các nước nhiệt đới nóng? Biện pháp?

Bước 2: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 3: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

- Tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, suy giảm nhanh chóng...

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Sức ép của dân số đông làm cho tài nguyên thiên nhiên như thế nào? Các tác động tiêu cực của dân số đến môi trường?

Bước 2: Hs suy nghĩ trả lời.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH: NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

Nội dung kiến thức:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm khí hậu Xích đạo ẩm, nhiệt đới và nhiệt đới gió mùa.
- Biết đặc điểm của các kiểu môi trường ở đới nóng.

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

* **Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:
- + Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa với chế độ sông ngòi, giữa khí hậu với môi trường .
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- + Nhận biết các môi trường của đới nóng qua ảnh địa lí , biểu đồ nhiệt độ lượng mưa .

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động làm việc cá nhân và nhóm
- Chăm chỉ:

Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong tiết học.

Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được (ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác) vào học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Các biểu đồ SGK phóng to.;
- Tranh ảnh về các môi trường.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Hs trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Cho biết nguyên nhân làn sóng di dân ở đới nóng ?
- Đô thị hoá ở đới nóng có đặc điểm gì ? Đã để lại những hậu quả gì ?

Bước 2: Hs suy nghĩ, hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Gv chốt kiến thức và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Phân tích hình ảnh để tìm hiểu các môi trường (15 phút)

a) Mục đích:

- Mô tả được các quang cảnh địa lí.

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình A, B, C sgk trang 39 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

Câu 1

+ **Ảnh A:**

- Cảnh sa mạc cát Xa-ha-ra
- Khí hậu khô nóng
- **Môi trường hoang mạc nhiệt đới .**

+ **Ảnh B**

- Cảnh đồng cỏ công viên Se-ra-gat xen cây bụi gai một số cây thân gỗ lớn.
- Khí hậu nhiệt độ cao , lượng mưa thay đổi theo mùa .
- **Môi trường nhiệt đới .**

+ **Ảnh C**

- Rừng rậm nhiều tầng Bắc Công - gô
- Khí hậu nóng ẩm , mưa nhiều quanh năm .
- **Môi trường xích đạo ẩm.**

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

Bài tập 1:

+ **Ảnh A:**

- Cảnh sa mạc cát Xa-ha-ra
- Khí hậu khô nóng
- **Môi trường hoang mạc nhiệt đới .**

+ **Ảnh B**

- Cảnh đồng cỏ công viên Se-ra-gat xen cây bụi gai một số cây thân gỗ lớn.
- Khí hậu nhiệt độ cao , lượng mưa thay đổi theo mùa .
- **Môi trường nhiệt đới .**

+ **Ảnh C**

- Rừng rậm nhiều tầng Bắc Công - gô
- Khí hậu nóng ẩm , mưa nhiều quanh năm .
- **Môi trường xích đạo ẩm.**

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Xác định ảnh chụp gì ?
- HS thảo luận nhóm
- *Nội dung thảo luận:*

- + Nhóm 1+2: Mô tả quang cảnh trong ảnh?
- + Nhóm 3+4: Chủ đề của ảnh phù hợp với đặc điểm của MT nào ở đới nóng?
- + Nhóm 5+6: Xác định tên của MT trong ảnh.

Bước 2: Hs thảo luận hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Các nhóm trình bày, nhận xét bổ sung.

Bước 4: GV chốt kiến thức.

2.2. Hoạt động 2: Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa (20 phút)

a) Mục đích:

- Quan sát biểu đồ tìm ra các kiểu môi trường thuộc đới nóng.

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát biểu đồ A, B, C, D, E để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

Bài tập 4:

- + Biểu đồ A: Có nhiều tháng nhiệt độ xuống thấp dưới 15°C vào mùa hạ, lượng mưa trong năm thấp → Không phải là đới nóng (loại bỏ).
- + Biểu đồ B: Nóng quanh năm trên 20°C và có 2 lần nhiệt độ lên cao trong năm, mưa nhiều vào mùa hạ → Thuộc đới nóng.
- + Biểu đồ C: Nhiệt độ tháng cao nhất vào mùa hạ không quá 20° , mùa đông ẩm áp không xuống dưới quá 5°C , mưa quanh năm → Không phải là đới nóng (loại bỏ).
- + Biểu đồ D: Có mùa đông lạnh dưới -5°C → Không phải là đới nóng (loại bỏ).
- + Biểu đồ E: Có mùa hạ nóng trên 25°C , mùa đông mát dưới 15°C , mưa rất ít và mưa vào thu đông → Không phải là đới nóng (loại bỏ).

Kết luận: Biểu đồ B là biểu đồ khí hậu nhiệt đới gió mùa thuộc môi trường đới nóng.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

Bài tập 4:

- + Biểu đồ A: Có nhiều tháng nhiệt độ xuống thấp dưới 15°C vào mùa hạ, lượng mưa trong năm thấp → Không phải là đới nóng (loại bỏ).
- + Biểu đồ B: Nóng quanh năm trên 20°C và có 2 lần nhiệt độ lên cao trong năm, mưa nhiều vào mùa hạ → Thuộc đới nóng.
- + Biểu đồ C: Nhiệt độ tháng cao nhất vào mùa hạ không quá 20° , mùa đông ẩm áp không xuống dưới quá 5°C , mưa quanh năm → Không phải là đới nóng (loại bỏ).
- + Biểu đồ D: Có mùa đông lạnh dưới -5°C → Không phải là đới nóng (loại bỏ).
- + Biểu đồ E: Có mùa hạ nóng trên 25°C , mùa đông mát dưới 15°C , mưa rất ít và mưa vào thu đông → Không phải là đới nóng (loại bỏ).

Kết luận: Biểu đồ B là biểu đồ khí hậu nhiệt đới gió mùa thuộc môi trường đới nóng.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Gv hướng dẫn: căn cứ vào yếu tố nhiệt độ để loại trừ sau đó xét tiếp chế độ mưa tìm ra biểu đồ thích hợp .

- Đới nóng nhiệt độ trung bình là bao nhiêu ?
- Căn cứ vào yếu tố nhiệt độ loại trừ biểu đồ nào ?
- Biểu đồ còn lại thuộc kiểu môi trường nào ?

Bước 2: Hs thảo luận hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

(Tích hợp giáo dục môi trường)

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Cùng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Chia lớp ra 3 nhóm thảo luận trong 5 phút, mỗi nhóm xác định 1 ảnh, trả lời các câu hỏi:

+ Ảnh chụp gì?

+ Chủ đề của ảnh phù hợp với đặc điểm nào của môi trường đới nóng?

+ Xác định tên của môi trường trong ảnh?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Quan sát hình ảnh sau thể hiện một tập tính điển hình của động vật ở châu Phi.

Hãy thảo luận và cho biết đó là tập tính nào? Vì sao các loại động vật ở châu Phi lại có tập tính đó?



Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: MÔI TRƯỜNG ĐỐI ÔN HÒA

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được vị trí, đặc điểm khí hậu của đới ôn hòa.
- So sánh được sự khác biệt giữa khí hậu ôn đới hải dương, khí hậu ôn đới lục địa và khí hậu địa trung hải qua tranh ảnh, biểu đồ khí hậu.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: xác định được vị trí của đới ôn hòa.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa để biết được đặc điểm môi trường đới ôn hòa.

3. Phẩm chất

Phẩm chất chủ yếu

- Trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động làm việc cá nhân và nhóm
- Chăm chỉ:

Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong tiết học.

Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được (ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác) vào học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ các kiểu môi trường.
- Hình ảnh về các môi trường ở đới ôn hòa.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.
- + Thông/Việt quốc/Ô-liu
- + Việt Nam một số tỉnh ở phía bắc có các loại cây này. Vì có khí hậu lạnh.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ
- + Cho học sinh xem các hình ảnh về các loại cây/hoa ở đới ôn hòa
- + Học sinh đọc đúng tên nội dung liên quan đến hình ảnh
- + Việt Nam có những cây này không? Ở đâu? Vì sao lại có?
- **Bước 2:** GV cho xem các hình ảnh. HS trả lời.
- **Bước 3:** GV tổng kết hoạt động và khen ngợi
- **Bước 4:** GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới



2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Xác định vị trí và tìm hiểu đặc điểm khí hậu đới ôn hòa (20 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí đới ôn hòa trên lược đồ
- Trình bày đặc điểm khí hậu của đới ôn hòa

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 42 kết hợp quan sát hình 13.1 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

1. Vị trí đới ôn hòa

- Đới ôn hòa nằm giữa đới nóng và đới lạnh (từ chí tuyến đến vòng cực ở cả 2 bán cầu)

Phần lớn diện tích đất nổi của đới nằm ở bán cầu Bắc

2. Khí hậu

- Mang tính chất trung gian
- Thời tiết thay đổi thất thường.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

❖ Nhiệm vụ 1:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Dựa vào thông tin SGK/42, hình 13.1/Trang 43 em hãy thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Xác định vị trí của đới ôn hòa trên lược đồ. Phần lớn diện tích đất nổi của đới ôn hòa nằm ở nửa cầu nào?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Hs trình bày

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

❖ Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- Cho học sinh phân tích bảng số liệu SGK/42: Điền dấu $>$ $<$ $=$ vào chỗ trống khi so sánh nhiệt độ và lượng mưa của 3 đới khí hậu.

+ Nhiệt độ: $-1^{\circ}\text{C} < 10^{\circ}\text{C} < 27^{\circ}\text{C}$

+ Lượng mưa: $539\text{mm} < 676\text{mm} < 1931\text{mm}$

- Qua đó em có nhận xét gì về tính chất của khí hậu đới ôn hòa so với đới nóng và đới lạnh ?

Bước 2: Tiến hành hoạt động.

Bước 3: GV mời học sinh bất kỳ trả lời, học sinh cả lớp quan sát và nhận xét.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

❖ Nhiệm vụ 3:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- + Quan sát hình 13.1 SGK/43, em hãy liệt kê các yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hòa ?

+ Các yếu tố này tác động tới thời tiết ở đới ôn hòa như thế nào ?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: GV mời học sinh bất kỳ lên bảng – kết hợp với đọc lược đồ để trả lời câu hỏi.

Bước 4: Tổng kết, khen ngợi HS.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phân hóa môi trường (15 phút)

a) Mục đích:

- Xác định vị trí của các kiểu môi trường ở đới ôn hòa.
- Nhận biết và giải thích được sự khác biệt giữa khí hậu ôn đới hải dương, khí hậu ôn đới lục địa và khí hậu địa trung hải qua tranh ảnh, biểu đồ khí hậu.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 45 kết hợp quan sát hình 13.1, 13.2, 13.3, 13.4 và các biểu đồ nhiệt độ lượng mưa tương ứng để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.
- + Phân hóa theo thời gian và theo không gian
- + Theo thời gian: xuân, hạ, thu, đông.
- + Theo không gian: tùy theo vĩ độ, ảnh hưởng của dòng biển và gió Tây ôn đới

Nội dung	Ôn đới hải dương	Ôn đới lục địa	Địa trung hải
Khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa hạ: mát mẻ - Mùa đông: không lạnh lắm - Mưa nhiều 	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa hạ: nóng - Mùa đông: lạnh, có tuyết - Mưa ít 	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa hạ: nóng, khô - Mùa đông: ẩm áp - Mưa vào thu đông
Cảnh quan	Rừng lá rộng	Rừng lá kim	Rừng cây bụi gai
Phân bố	Tây Âu, rìa phía Tây Bắc Mỹ	Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Bắc Á và Đông Âu	Nam Âu

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Quan sát nội dung SGK/Trang 45 và Hình 13.1/Trang 43 em hãy nhận xét sự phân hóa của môi trường đới ôn hòa ?

Bước 2: Hoạt động cá nhân/cặp

- + Các cá nhân làm việc trên phiếu học tập.
- + HS dựa trên những thông tin từ SGK và giáo viên cung cấp. HS rút ra những đặc điểm khí hậu của các môi trường ở đới ôn hòa trong vòng 5 phút.

Nội dung	Ôn đới hải dương	Ôn đới lục địa	Địa trung hải
Khí hậu			
Cảnh quan			

Phân bố			
----------------	--	--	--

Bước 3: HS trình bày kết quả. Mỗi HS trình bày về một môi trường, các HS khác bổ sung,

Bước 4: GV giúp HS chuẩn kiến thức.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để vẽ sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm:

- Học sinh vẽ được sơ đồ tư duy.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV yêu cầu học sinh vẽ SĐTD về nội dung bài học trong 3 phút

Tiêu chí đánh giá:

+ Nội dung chính xác, khoa học

+ Bố cục cân đối hài hòa

+ Màu sắc sống động, có các hình vẽ, icon

+ Đúng thời gian

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Hs trình bày kết quả.

Bước 4: GV khen ngợi các HS có tiến bộ, học sinh làm tốt.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Trình bày các nguyên nhân làm thời tiết của môi trường ở đới ôn hòa thay đổi thất thường.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Hs trình bày kết quả.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐỐI ƠN HÒA

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Phân tích hiện trạng và giải thích nguyên nhân gây ra ô nhiễm nước và không khí ở đới ôn hòa, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa
- Đánh giá được hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí và nước gây ra cho thiên nhiên và con người không chỉ ở đới ôn hòa mà còn cả ở toàn thế giới.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: rèn luyện kỹ năng hoạt động nhóm, thu thập thông tin ngoài xã hội, thông tin thực tế

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Kỹ năng tổng hợp, vận dụng các kiến thức liên môn vào giải quyết vấn đề
 - + Kỹ năng phân tích thông tin từ ảnh địa lí, rèn luyện tư duy, tổng hợp.
 - + Rèn luyện tốt khả năng tư duy logic, khả năng tái hiện những tri thức đã học để tìm kiến thức mới.
 - + Kỹ năng tính toán và vẽ biểu đồ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: thái độ nghiêm túc học tập tốt tất cả các môn học, yêu thích, say mê tìm hiểu kiến thức của nhiều môn học qua các kênh thông tin khác nhau.
- Trách nhiệm: ủng hộ các biện pháp bảo vệ môi trường. Phản đối và không có những hành động tiêu cực làm ảnh hưởng xấu tới môi trường. Ủng hộ Nghị định thư Kyoto

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính
- Giáo án, phiếu học tập
- Tài liệu về thực trạng ô nhiễm môi trường đới ôn hòa, trên thế giới, Việt Nam. Tài liệu các nội dung kiến thức liên môn đến bài dạy.
- Đồ dùng học tập.
- Tìm hiểu về vấn đề ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục đích:

- Gây hứng thú cho HS, tăng tính tập trung và định hướng nội dung hình thành kiến thức mới.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

Hs trả lời được 2 câu hỏi

+ HS đặt tên cho bức hình. Nội dung: ô nhiễm môi trường

+ Hoa Kỳ là quốc gia phát triển nhất thế giới và cũng có lượng khí thải nhiều nhất.

d) Cách thực hiện:

- GV dẫn dắt vào bài bằng những câu hỏi sau:

Câu 1: Quan sát bức hình sau và đặt tên cho bức hình? Từ đó dự đoán nội dung bài học ngày hôm nay?

Câu 2: Em có suy nghĩ gì khi quan sát những bức hình dưới đây về ô nhiễm môi trường của Hoa Kỳ?



Một chiếc xe bị vút đi nằm ở Vịnh Jamaica, New York năm 1973. Dù EPA có những quy định nghiêm ngặt về rác thải nhưng thời điểm đó, nhiều phương tiện vẫn bị vút bỏ một cách bừa bãi.



Những nhà máy thải khói lên trời trong những năm 1970, gây tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng. Nhà máy này chuyên đốt các loại rác thải đã qua sử dụng



Núi rác khổng lồ phía trước Tháp đôi Trung tâm Thương mại Thế giới, công trình bị khủng bố đánh sập ngày 11/9/2001.



Nước biển xung quanh nơi đặt Tượng nữ thần tự do nổi vầng dầu.

- GV vào bài: *Việc phát triển các ngành công nghiệp giúp Hoa Kỳ tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, nhưng đồng nghĩa với việc đưa môi trường tự nhiên nhất là không khí và nước nơi đây đem ra đấu giá ngược bởi những lượng khí thải và rác thải chưa qua xử lý thải ra môi trường. Vậy theo em, Hoa Kỳ và các nước ở đới ôn hòa có nên ngừng việc xả thải ra môi trường tự nhiên không? Để trả lời cho câu hỏi trên, cô và các em sẽ cùng nhau đi tìm hiểu nội dung bài hôm nay....*

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về môi trường đới ôn hòa (20 phút)

a) Mục đích:

- Phân tích hiện trạng và giải thích nguyên nhân gây ra ô nhiễm nước và không khí ở đới ôn hòa.
- Đề xuất những giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa
- Chỉ ra được tầm ảnh hưởng của Nghị định Ki-ô-tô trong việc chung tay bảo vệ môi trường.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

1. Ô nhiễm không khí:

- Hiện trạng: Bầu khí quyển bị ô nhiễm nặng nề.
- Nguyên nhân: Khói bụi từ các nhà máy và phương tiện giao thông thải vào khí quyển.
- Hậu quả:

+ Tạo nên những trận mưa axit, tăng hiệu ứng nhà kính, khiến cho Trái Đất nóng lên, khí hậu toàn cầu biến đổi, băng ở hai cực tan chảy, mực nước đại dương dâng cao, ... Khí thải còn làm thủng tầng ôzôn.

2. Ô nhiễm nước.

- Hiện trạng: Các nguồn nước bị ô nhiễm gồm: nước sông, nước biển, nước ngầm.

- Nguyên nhân :

+ Nước thải công nghiệp , tàu bè , sinh hoạt

+ Sự cố tàu chở dầu .

+ Dư lượng phân bón , thuốc hóa học trong nông nghiệp .

- Hậu quả :

+ Khan hiếm nước sạch

+ Chết sinh vật dưới nước

+ Gây bệnh ngoài da...

d) Cách thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Giáo viên nêu vấn đề

Bước 1: GV cho HS quan sát 2 bức ảnh sau



Điểm giống nhau giữa 2 bức tranh là gì?

Bước 2: GV tiếp tục cho HS quan sát những bức ảnh tiếp theo

Những bức ảnh dưới đây phản ánh vấn đề nào đang diễn ra ở các nước đới ôn hòa?



Bước 3: HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi của GV

Nhiệm vụ 2: Phân tích hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm không khí và nước ở đới ôn hòa.

Bước 1: GV chia lớp làm 4 nhóm

- Nhóm 1,3: Tìm hiểu hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa.
- Nhóm 2,4: Tìm hiểu hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm nước ở đới ôn hòa.

(Lưu ý: các nhóm thể hiện nội dung bằng sơ đồ tư duy. Vẽ trên khổ giấy A2 giáo viên phát)

Bước 2: Các nhóm tiến hành thảo luận và hoàn thiện sản phẩm

Bước 3: GV chọn 2 nhóm đại diện lên trình bày. 2 nhóm còn lại đối chiếu, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.

- GV sử dụng kĩ thuật 3 lần 3 yêu cầu nhóm nhận xét đưa ra 3 ý kiến về bài thuyết trình của nhóm bạn:
 - + Nêu ra 3 điểm tốt trong bài thuyết trình của nhóm bạn.
 - + Nêu ra 3 điểm chưa tốt trong bài thuyết trình của nhóm bạn.

+ Nêu ra 3 đề nghị/ đề xuất/ kiến nghị đến nhóm bạn. Hoặc 3 câu hỏi yêu cầu nhóm bạn cần làm rõ

Bước 4: GV chuẩn xác kiến thức bằng sơ đồ học sinh. GV vẽ nhanh lên bảng và yêu cầu HS vẽ lại vào vở theo sở thích của mình, song vẫn phải đảm bảo đúng và đủ nội dung.

Nhiệm vụ 3: GV cùng HS giải quyết câu hỏi phân khởi động và 1 số vấn đề các nhóm quan tâm

Câu 1: Như các em đã thấy, ô nhiễm môi trường đã khiến các nước ở đới ôn hòa phải nhận lại những hậu quả nặng nề. Vậy theo em, Hoa Kỳ và các nước ở đới ôn hòa có nên ngừng việc xả thải ra môi trường tự nhiên không?

+ Phân tích: Sẽ có 2 luồng trái chiều. Đồng ý xả thải và ngừng xả thải

+ GV chọn ra 2 bạn đứng lên tranh luận và phản biện ý kiến của mình.

GV rút ra kết luận: Để phát triển toàn diện nền kinh tế 1 cách bền vững, các nước ở đới ôn hòa trước hết phải xem xét, xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường. Để làm được việc này bên cạnh việc thực hiện thì quy trình giám sát và đưa ra những chế tài đã được các nước đới ôn hòa thực hiện thông qua việc kí kết nghị định Ki-ô-tô nhằm cắt giảm lượng khí thải ở các quốc gia.

Câu 2: Hoàn thành bài tập số 2/ SGK – trang 58.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- GV phát phiếu học tập đến từng HS.

- GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập đã giao

+ GV hướng dẫn HS cách vẽ biểu đồ cột (Lưu ý: Học sinh đã được học cách vẽ biểu đồ cột ở bộ môn Toán nên GV không nên mất nhiều thời gian ở khâu này)

+ GV hướng dẫn HS cách tính tổng lượng khí thải.

Bước 2: HS nhận nhiệm vụ và tiến hành làm.

PHIẾU HỌC TẬP

Biểu đồ thể hiện lượng khí thải bình quân đầu người của Hoa Kỳ và Pháp năm 2000



Điền vào dấu ... trị số tương ứng trên biểu đồ.

Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện lượng khí thải của Hoa Kỳ và PÁp.

- Tính tổng lượng khí thải của Hoa Kỳ và Pháp năm 2000

Lượng khí thải Hoa Kỳ = X =(tấn/năm)

= (tỉ tấn/năm)

Lượng khí thải Pháp = X =(tấn/năm)

= (tỉ tấn/năm)

Bước 3: GV bốc thăm que bảng tên và gọi ngẫu nhiên 1 bài của HS lên chấm điểm. GV sử dụng máy chiếu vật thể chiếu bài của HS để cả lớp quan sát, nhận xét.

Câu 3: Quan sát bức hình, cho biết quốc gia nào không kí kết Nghị định Kyoto? Đứng trên phương diện quốc gia đó, theo em vì sao quốc gia này không thỏa hiệp trước Nghị định?

Câu 4: Giải thích thuật ngữ “Thủy triều đen” và “Thủy triều đỏ”?

- Thủy triều đen: Do tàu chở dầu bị đắm và nước thải công nghiệp gây ô nhiễm vùng biển.

Thủy triều đỏ: Do nước sinh hoạt, phân bón hóa học từ các con sông đổ xuống biển, tạo điều kiện thuận lợi cho loài tảo biển phát triển nhanh nên ta thấy cả 1 vùng màu đỏ.

2.2. Hoạt động 2: Liên hệ tình hình ô nhiễm tại VN (10 phút)

a) Mục đích:

- Đánh giá được hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí và nước gây ra cho thiên nhiên và con người không chỉ ở đối ôn hòa mà còn cả ở toàn thế giới.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV cùng HS chia sẻ thông tin bằng việc trả lời các câu hỏi sau

Câu 1: Em có suy nghĩ gì khi đọc 2 bài báo dưới đây?

PHÁP LUẬT

Bệnh viện Đa khoa Lê Ngọc Tùng bị phạt 1,4 tỷ đồng

Thứ Sáu, 4/9/2015 08:23

Chôn lấp chất thải y tế trái phép

Ngày 3-9, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh Huỳnh Văn Quang ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa tư nhân Lê Ngọc Tùng (địa chỉ số 500 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường 3, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) do ông Lê Ngọc Tùng làm giám đốc, với số tiền phạt 1,4 tỷ đồng về hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại không đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Đồng thời, tịch thu xe tải nhãn hiệu Hyundai, biển số 54M-0010; một xe lôi 70HA-0051 và một số phương tiện bệnh viện dùng để vận chuyển rác thải nguy hại đưa đi chôn lấp trái phép. Bước Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa tư nhân Lê Ngọc Tùng chỉ trả kinh phí trưng cầu giám định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường; kinh phí phun thuốc khử mùi, diệt khuẩn và kinh phí khai quật, xử lý rác thải y tế nguy hại cho Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huế Phương Việt Nam với tổng số tiền 494 triệu đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

Trước đó, vào lúc 12 giờ 30 ngày 25-6-2015, Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường phối hợp Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Tây Ninh kiểm tra, bắt quả tang Trương Anh Tuấn và Trương Hoàng Liêm là nhân viên bảo vệ của Bệnh viện Đa khoa tư nhân Lê Ngọc Tùng sử dụng xe lôi vận chuyển rác thải y tế đến nơi chôn lấp trái phép tại ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Số rác thải y tế nguy hại tại thời điểm kiểm tra có trọng lượng là 111kg.

Vedan xả thải ra sông Thị Vải

Từ phần ảnh, bức xúc của người dân địa phương về tình trạng liên tục xả nước thải không qua xử lý ra môi trường, sau hơn 3 tháng theo dõi, ngày 13/9/2008, đoàn kiểm tra liên ngành đã bắt quả tang Công ty Vedan (doanh nghiệp FDI Đài Loan, Trung Quốc) tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xả một lượng nước thải lớn chưa qua xử lý ra sông Thị Vải.



Miếng bèo xả thải chưa qua xử lý tại cầu cảng của Công ty Vedan đang xả thải. Ảnh: Cục CSMT

Theo kết quả điều tra sau đó của Bộ Tài nguyên & Môi trường, doanh nghiệp này có 10 sai phạm, trong đó nước thải đều vượt từ 10 lần tiêu chuẩn cho phép đối với nhà máy sản xuất tinh bột biến tính, bột ngọt và lysine. Theo lời khai ban đầu của lãnh đạo Vedan, lượng dịch thải sau lên men mà các nhà máy của công ty này xả thẳng ra sông Thị Vải chỉ sắp xỉ 45.000 m³ một tháng. Tuy nhiên, con số mà đoàn kiểm tra kết luận cao hơn gấp đôi, 105.600 m³ một tháng.

Câu 2: Nếu em là **Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**, em sẽ làm gì khi chứng kiến những sai phạm trong khâu xử lý chất thải ra môi trường ở Việt Nam?

Câu 3: Là HS trường Em nhận thấy mình cần phải làm gì để Bảo vệ môi trường sống quanh em?

Bước 2: HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi của GV.

Bước 3: GV thu thập đóng góp từ học sinh và yêu cầu HS về nhà viết thư giả định mình là các loài sinh vật dưới đại dương nói về số phận của mình trước những sự thay đổi môi trường sống mà chúng không mong muốn.

Câu hỏi: Nghị định Ki-ô-tô ra đời nhằm mục đích gì?

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

- Mục đích: Củng cố kiến thức, phát triển năng lực hợp tác
- Nội dung:
- Sản phẩm:
- Cách thực hiện:

Bước 1: GV chia nhóm, đưa ra thể lệ trò chơi.

- GV chia lớp thành 2 nhóm.
- Hình thức trò chơi: Trò chơi **Giải cứu muôn loài**
- GV chia đội bằng quân bài. Những học sinh có quân bài chẵn về 1 đội, quân bài lẻ về 1 đội.
- GV phổ biến thể lệ trò chơi.
- + Chia lớp làm 2 đội, đặt tên cho từng đội.

+ Có 4 loài động vật đang cần được giải cứu. Để giải cứu các loài động vật, các nhóm phải trả lời các câu hỏi. Mỗi nhóm trả lời đúng sẽ nhận được 1 mặt cười/ 1 câu hỏi, đồng nghĩa sẽ giải cứu được các loài. Nhóm nào thu thập được nhiều mặt cười nhất nhóm đó sẽ giành chiến thắng.

+ Nhóm chiến thắng sẽ nhận được phần thưởng: quyền được gợi ý của giáo viên về các bước làm sản phẩm thân thiện với môi trường.

+ Nhóm thua: Phải trả lời câu hỏi phụ của giáo viên để nhận được quyền gia hạn thêm 1 ngày nộp sản phẩm.

Bước 2: Tiến hành chơi.



Hải cẩu mắc kẹt vào một chiếc hộp nhựa.

Câu hỏi: Kể tên các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa?



Con rùa này đã lớn lên với một miếng nhựa mắc kẹt vào người. Cơ thể rùa bị biến dạng vĩnh viễn chỉ vì những thứ con người thải ra.



Con chim có lẽ đã chết tức tưởi vì ăn phải quá nhiều rác thải nhựa của con người.



Chim cánh cụt toàn thân ngấm dầu.

Câu hỏi: Nguyên nhân tạo ra “thủy triều đen”?

Câu hỏi: Hậu quả do ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa gây ra?

Thông điệp: Chúng ta không thể cứu sống tất cả những động vật xinh đẹp này nếu không giảm thải chất thải từ hôm nay.

Bước 3: GV nhận xét các đội chơi.

- Trao quà cho đội chiến thắng: GV gợi ý về các bước làm sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Phạt đội thua: đội thua phải trả lời được câu hỏi sau
- **Em hãy cho biết điểm khác nhau giữa 2 chai Lavie sau. Từ đó cho biết thông điệp nhà sản xuất muốn gửi đến người tiêu dùng là gì?**



4. Hoạt động: Vận dụng

- a) Mục đích: Từ những kiến thức đã được học, học sinh vận dụng để giải quyết một số bài tập
- b) Nội dung:
- c) Sản phẩm:
- d) Cách thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Vận dụng kiến thức vừa học để giải quyết các câu hỏi ở mức độ nâng cao thể hiện tư duy địa lí.

Bước 1: GV nêu vấn đề cần nghiên cứu.

Có ý kiến cho rằng “*Nền kinh tế càng phát triển thì đồng nghĩa với việc tỉ lệ thuận với sự ô nhiễm môi trường*”. Em có đồng ý với nhận định trên không?

Bước 2: HS hoạt động cá nhân để trả lời.

Bước 3: GV gọi 2 HS, trong đó 1 học sinh đồng ý và 1 học sinh phản đối để lên trình bày phản biện của mình.

Bước 4: GV dựa vào 2 bức hình sau để giải thích

	
<p><i>Singapore – đất nước sạch Nhất thế giới</i></p>	<p><i>Hoa Kỳ – Quốc gia có lượng khí thải cao nhất thế giới</i></p>

Nhiệm vụ 2: GV hướng dẫn HS tạo sản phẩm ở nhà

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho từng đội (Thời hạn nộp sản phẩm: 1 tuần)

- Đội chiến thắng: Tái chế sử dụng các sản phẩm bằng nhựa để tạo ra mô hình học tập môn địa lí. Có bài thuyết minh sản phẩm.
- Đội thua: Thiết kế Poster bảo vệ Môi trường để hưởng ứng Ngày lễ môi trường trong trường học. Có bài thuyết minh sản phẩm.

	
<p><i>Nhóm thiết kế Poster được phép thiết kế trên các công cụ thiết kế ảnh hoặc vẽ tranh song phải đảm bảo đúng chủ đề, nội dung và hình thức thể hiện.</i></p>	

Bước 2: Các nhóm nhận nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện cho GV.

Trường:.....

Tổ:.....

Ngày:

Họ và tên giáo viên:

.....

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH:

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI ÔN HOÀ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Nhận biết được các kiểu môi trường của đới Ôn hòa qua tranh ảnh và phân tích biểu đồ khí hậu.
- Nhận xét và giải thích được nguyên nhân làm cho Trái đất nóng lên.
- Đề xuất được giải pháp nhằm giảm thải khí CO₂ ra môi trường.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Đọc và phân tích biểu đồ, so sánh được sự khác nhau về đặc điểm giữa các môi trường thuộc đới Ôn Hòa.
 - + Phân tích thông tin từ tranh ảnh địa lí, rèn luyện tư duy tổng hợp.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động làm việc cá nhân và nhóm
- Chăm chỉ:

Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong tiết học.

Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được (ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác) vào học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Biểu đồ các kiểu khí hậu ôn đới (*phóng to*).

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1:

GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm không khí đới ôn hoà?
- Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm nước đới ôn hoà?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Gv chốt kiến thức và dẫn dắt vào bài mới: Môi trường đới ôn hòa rất đa dạng với nhiều kiểu khí hậu và thực vật khác nhau. Việc nhận biết được các kiểu môi trường đó như bài học hôm nay đề cập là rất cần thiết. Ngoài ra chúng ta còn học cách vẽ và phân tích biểu đồ gia tăng lượng khí thải để tăng thêm sự hiểu biết về tình trạng ô nhiễm môi trường đang rất trầm trọng hiện nay

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Phân biệt các kiểu môi trường thuộc đới ôn hòa (20 phút)

a) *Mục đích:*

- Phân biệt được các kiểu môi trường thuộc đới ôn hòa dựa vào việc phân tích biểu đồ tương quan nhiệt ẩm.

b) *Nội dung:*

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 59 kết hợp quan sát các biểu đồ tương quan nhiệt ẩm để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

Bài tập 1 :

➤ **Biểu đồ A:**

- Nhiệt độ tháng 7: 10 °C, tháng 1: – 29 °C
 - Lượng mưa ít nhiều nhất không quá 50 mm, cả năm 200 mm , có mưa dạng tuyết rơi.
 - A mùa đông lạnh, dài, nhiệt độ phần lớn dưới 0°C, mưa ít dạng tuyết rơi.
- ⇒ A không thuộc đới nóng, cũng không thuộc đới ôn hòa. (đới lạnh)

➤ **Biểu đồ B:**

- Nhiệt độ tháng 1: 10°C Tháng 8: 25°C
- Lượng mưa mùa đông
- B mùa đông ẩm, hạ nóng khô , mưa vào thu đông ⇒ Khí hậu Địa Trung Hải .

➤ **Biểu đồ C:**

- Nhiệt độ tháng 1: 50C, Tháng 7 : 130C
 - Lượng mưa khá cao, thấp nhất 80 mm, cao nhất 170 mm
 - C mùa đông ẩm, hạ mát, mưa thu đông.
- ⇒ C khí hậu ôn đới hải dương.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

➤ **Biểu đồ A:**

- Nhiệt độ tháng 7: 10 °C, tháng 1: – 29 °C
- Lượng mưa ít nhiều nhất không quá 50 mm, cả năm 200 mm , có mưa dạng tuyết rơi.

- A mùa đông lạnh, dài, nhiệt độ phần lớn dưới 0°C , mưa ít dạng tuyết rơi.

⇒ A không thuộc đới nóng, cũng không thuộc đới ôn hòa. (đới lạnh)

➤ Biểu đồ B:

- Nhiệt độ tháng 1: 10°C Tháng 8: 25°C

- Lượng mưa mùa đông

- B mùa đông ẩm, hạ nóng khô, mưa vào thu đông ⇒ Khí hậu Địa Trung Hải.

➤ Biểu đồ C:

- Nhiệt độ tháng 1: 5°C , Tháng 7: 13°C

- Lượng mưa khá cao, thấp nhất 80 mm, cao nhất 170 mm

- C mùa đông ẩm, hạ mát, mưa thu đông.

⇒ C khí hậu ôn đới hải dương.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- Thảo luận 4 nhóm - 5 phút

- Nhóm 1.2 : Biểu đồ A, C

- Nhóm 3.4 : Biểu đồ B, C

- Trong từng biểu đồ xem :

+ Diễn biến nhiệt độ như thế nào ?

+ Diễn biến lượng mưa như thế nào ?

+ Đối chiếu với đặc điểm khí hậu các môi trường đã học để xác định xem biểu đồ đó thuộc môi trường nào.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Gv chuẩn kiến thức.

2.2. Hoạt động 2: Nhận xét sự gia tăng lượng khí CO_2 (15 phút)

a) Mục đích:

- Đề xuất được giải pháp nhằm giảm thải khí CO_2 ra môi trường.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

Bài tập 3: Nhận xét sự gia tăng lượng khí CO_2 .

- Nguyên nhân của sự gia tăng lượng khí thải CO_2 vào bầu khí quyển là do sự phát triển ngày càng nhanh của nền công nghiệp và các phương tiện giao thông vận tải trên thế giới. Thời kì đầu năm 1840 thế giới mới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp. Đến nay nền công nghiệp đã phát triển gấp nhiều lần lượng khí thải ngày càng tăng nhanh hơn, giai đoạn sau tăng nhanh hơn giai đoạn trước.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

- Nguyên nhân của sự gia tăng lượng khí thải CO_2 vào bầu khí quyển là do sự phát triển ngày càng nhanh của nền công nghiệp và các phương tiện giao thông vận tải trên

thế giới. Thời kì đầu năm 1840 thế giới mới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp. Đến nay nền công nghiệp đã phát triển gấp nhiều lần lượng khí thải ngày càng tăng nhanh hơn, giai đoạn sau tăng nhanh hơn giai đoạn trước.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Gv yêu cầu Hs: Nhận xét về sự gia tăng lượng CO₂ trong không khí từ năm 1840-1997
- Giải thích nguyên nhân của sự gia tăng đó.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Gv chuẩn kiến thức. *(Tích hợp giáo dục môi trường)*

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã hoàn thành các bài tập.

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành bài tập.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Hs tiếp tục hoàn thành các bài tập.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bản thân em làm gì để bảo vệ môi trường xung quanh em sinh sống và học tập?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trưởng:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

TÊN BÀI DẠY: MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Nêu được đặc điểm khí hậu của môi trường hoang mạc.
- Trình bày và phân tích được sự thích nghi của các loài động thực vật ở hoang mạc.
- Trình bày và giải thích được sự phân bố các hoang mạc trên thế giới.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

Giao tiếp - hợp tác: Sử dụng được ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí
 - + Đọc, phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa để rút ra đặc điểm khí hậu hoang mạc.
 - + Đọc lược đồ để xác định vị trí phân bố các hoang mạc trên thế giới.
 - + Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình, đóng vai.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: yêu thích môn học, say mê tìm hiểu các môi trường khác nhau trên thế giới.
- Trách nhiệm: nhận thức rõ sự khó khăn của người dân sống ở vùng hoang mạc từ đó có ý thức trong vấn đề sử dụng nước sạch, bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án, phiếu học tập
- Lược đồ phân bố hoang mạc trên thế giới.
- Tranh ảnh về thực vật, động vật ở môi trường hoang mạc; một số hoang mạc lớn trên thế giới.
- Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa hình 19.2 và 19.3.

2. Chuẩn bị của HS

- Chuẩn bị poster về một số hình ảnh động - thực vật ở hoang mạc.

- Bút dạ, bút màu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh.
- b) Nội dung: Quan sát ảnh để trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm: Trả lời câu hỏi.
- d) Cách thực hiện:

Giao nhiệm vụ

Bước 1: Gv cho hs quan sát một số ảnh của hoang mạc Xa-ha-ra, Gô- bi, A-ta-ca-ma? Cho biết những ảnh trên thể hiện cảnh quan gì?

Bước 2: Học sinh trình bày hiểu biết của mình- học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 3: GV chốt kiến thức và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm môi trường hoang mạc (15 phút)

a) Mục đích:

- Xác định và giải thích được sự phân bố các hoang mạc trên thế giới.
- Trình bày và giải thích được đặc điểm khí hậu của hoang mạc.
- Mô tả đặc điểm quang cảnh hoang mạc.

b) Nội dung:

1. Đặc điểm của môi trường

- Chiếm diện tích khá lớn trên bề mặt Trái Đất, chủ yếu phân bố dọc theo hai đường chí tuyến và giữa lục địa Á - Âu.
- Khí hậu khô hạn, khắc nghiệt, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm rất lớn.
- Thực vật cằn cỗi, động vật hiếm hoi, dân cư ít chủ yếu sống trong các ốc đảo.
- c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Yêu cầu HS quan sát lược đồ 19.1.

- Các hoang mạc trên thế giới thường phân bố ở đâu?
- Cho biết hoang mạc Xahara thuộc đới nào?
- Hoang mạc Gôbi thuộc đới nào?

Bước 2: Chia lớp thành 2 nhóm thảo luận điền kết quả vào bảng.

+ Nhóm 1: Phân tích nhiệt độ và lượng mưa của tháng cao nhất và tháng thấp nhất Hình 19.2 Hoang mạc Xahara ở 19⁰B. Rút ra nhận xét về đặc điểm khí hậu hoang mạc.

+ Nhóm 2: Phân tích nhiệt độ và lượng mưa của tháng cao nhất và tháng thấp nhất
Hình 19.3 Hoang mạc Goobi ở 43⁰B. Rút ra nhận xét về đặc điểm khí hậu hoang mạc.

Bước 3: Thảo luận theo nhóm, cử đại diện trình bày.

	Hoang mạc đới nóng (Xahara)			Hoang mạc đới lạnh (Gô - bi)		
Nhiệt độ (°C)	Tháng cao nhất	Tháng thấp nhất	Biên độ (°C)	Tháng thấp nhất	Nhiệt độ (°C)	Biên độ (°C)
	40°C	12°C	28°C	24°C	-16°C	40°C
Lượng mưa (mm)	Tháng có mưa	Tháng không mưa	Lượng mưa cao nhất	Tháng có mưa	Tháng không mưa	Lượng mưa cao nhất
	T6 - T10	T11-T5	8mm	T3-T12	T1-T2	62mm
So sánh	Đặc điểm khí hậu + <i>Biên độ nhiệt: cao</i> + <i>Mùa hè: rất nóng</i> + <i>Mùa đông: ấm</i> + <i>Lượng mưa: rất thấp (21mm/năm)</i>			Đặc điểm khí hậu + <i>Biên độ nhiệt: rất cao</i> + <i>Mùa hè: không nóng</i> + <i>Mùa đông: rất lạnh</i> + <i>Lượng mưa: rất thấp (125mm/năm)</i>		

Từ kết quả vừa phân tích trình bày đặc điểm chung của khí hậu hoang mạc?

Bước 4: Giáo viên nhận xét chuẩn xác kiến thức.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sự thích nghi của động vật, thực vật

a) Mục đích:

- Kể tên được các loài động thực vật đặc trưng của hoang mạc
- Trình bày và giải thích được đặc điểm thích nghi của các loài động thực vật.

b) Nội dung:

2. Sự thích nghi của động vật, thực vật đối với môi trường

- Tự hạn chế mất nước trong cơ thể
 - + Thực vật: lá biến thành gai, thân cây bọc sáp,...
 - + Động vật: Chui vào hang, vùi mình xuống cát, kiếm ăn ban đêm,...
- Tăng cường dự trữ nước trong cơ thể và chất dinh dưỡng
 - + Thực vật: thân hình chai, rễ dài,...

+ Động vật: Chịu đói và khát giỏi, đi xa, uống nhiều nước, chạy nhanh,...

c) Sản phẩm: Trả lời câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Gv đặt câu hỏi: cho biết thực vật thích nghi với môi trường hoang mạc ? Cho biết động vật thích nghi với môi trường hoang mạc bằng cách nào?

Bước 2: Gv chuẩn kiến thức

Bước 3: Mở rộng tự hạn chế sự mất nước: thân lá bọc sáp hay biến thành gai; bò sát và côn trùng vùi xuống cát, chỉ ra ngoài kiếm ăn vào ban đêm, lạc đà ít đổ mồ hôi khi hoạt động, người mặc áo choàng nhiều lớp trùm kín đầu để tránh mất nước vào ban ngày và chống rét vào ban đêm...

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- củng cố kiến thức bài học
- Thay đổi không khí lớp học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Tham gia trò chơi

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV nêu luật chơi và phổ biến luật chơi

TRÒ CHƠI: AI NHANH NHẤT – AI GIỎI NHẤT



LUẬT CHƠI

- Mỗi nhóm sẽ được gọi bất kỳ 2 học sinh xếp thành hàng chia làm 2 nhóm và tham gia trò chơi:
- + Khi quản trò hô xuất phát các thành viên nhanh chóng di chuyển và ghi thông tin về một nội dung đã được học về hoang mạc.
- + Bạn thứ nhất ghi xong chạy về và sẽ đáp tay bạn tiếp theo lên làm nhiệm vụ.
- Sau **5** phút đội nào ghi được nhiều thông tin đúng đội đó sẽ chiến thắng.

- **Bước 2:** GV tổ chức cho các đội tham gia chơi và đánh giá cho điểm

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích: Hệ thống kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) *Sản phẩm*: Hoàn thành sơ đồ tư duy

d) *Cách thực hiện*:

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.
- Suu tầm hoặc trải nghiệm sáng tác thơ dựa vào nội dung bài học.

5. Rút kinh nghiệm

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: MÔI TRƯỜNG ĐỐI LẠNH

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Nêu được vị trí của đới lạnh trên bản đồ tự nhiên thế giới.
- Giải thích được một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh.
- Phân tích được sự thích nghi của động vật và thực vật với môi trường đới lạnh.

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng làm việc nhóm.

* Năng lực Địa Lí

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Đọc bản đồ về môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực và vùng Nam Cực để nhận biết vị trí, giới hạn của đới lạnh.
 - + Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một vài địa điểm ở môi trường đới lạnh để hiểu và trình bày đặc điểm khí hậu của môi trường đới lạnh..

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: ý thức bảo vệ môi trường, tình yêu thiên nhiên
- Trung thực: lên án hành vi khai thác tài nguyên quá mức của con người
- Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong tiết học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ SGK phóng to/máy chiếu
- Bản đồ miền cực
- Một số tranh ảnh về sinh vật ở môi trường đới lạnh.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.
- Sưu tầm tranh ảnh cảnh quan

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh và định hướng cho học sinh tìm hiểu nội dung bài mới.

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- + Các loài: Chim cánh cụt, gấu trắng, sư tử biển, hải cẩu, cá voi, nhạn biển...
- + Những loài vật sống trong môi trường băng giá, vùng cực
- + Những hiểu biết: HS tự nêu

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** Quan sát hình ảnh sau:

- + Kể tên các loài vật mà các em biết
- + Những loài vật đó sống ở đâu? Trong môi trường nào?
- + Nêu những hiểu biết của em về môi trường đó?



- **Bước 2:** Học sinh trả lời
- **Bước 3:** Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm môi trường đới lạnh (15 phút)

a) Mục đích:

- Nêu được vị trí của đới lạnh trên bản đồ tự nhiên thế giới.
- Giải thích được một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh.

b) Nội dung:

- Học sinh thảo luận để hoàn thành phiếu học tập.

I. Đặc điểm của môi trường .

1. Vị trí

- Nằm trong khoảng từ hai vòng cực đến hai cực

2. Khí hậu

- Đặc điểm: Khí hậu khắc nghiệt, lạnh lẽo, mùa đông rất dài, mưa ít, chủ yếu là ở dạng tuyết, đất đóng băng quanh năm.

c) Sản phẩm:

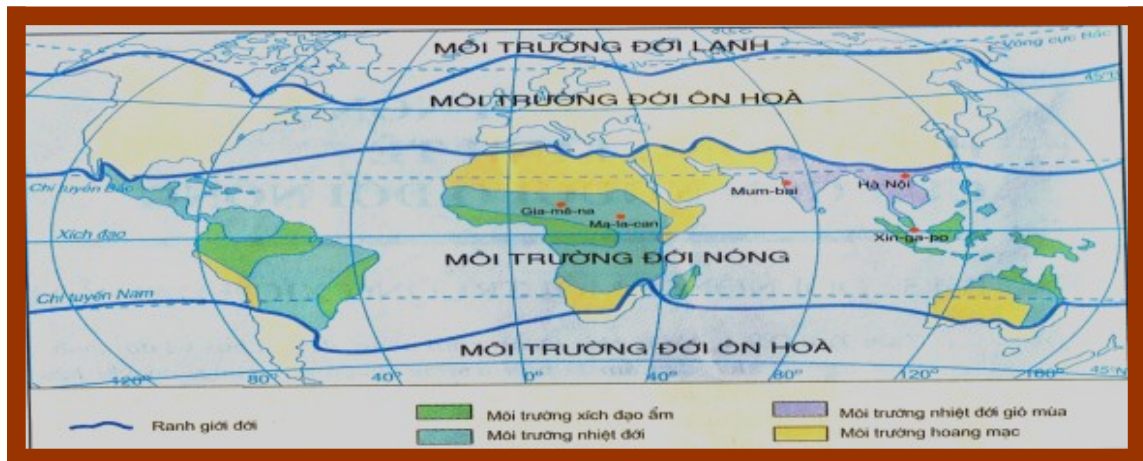
- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Học sinh quan sát lược đồ .

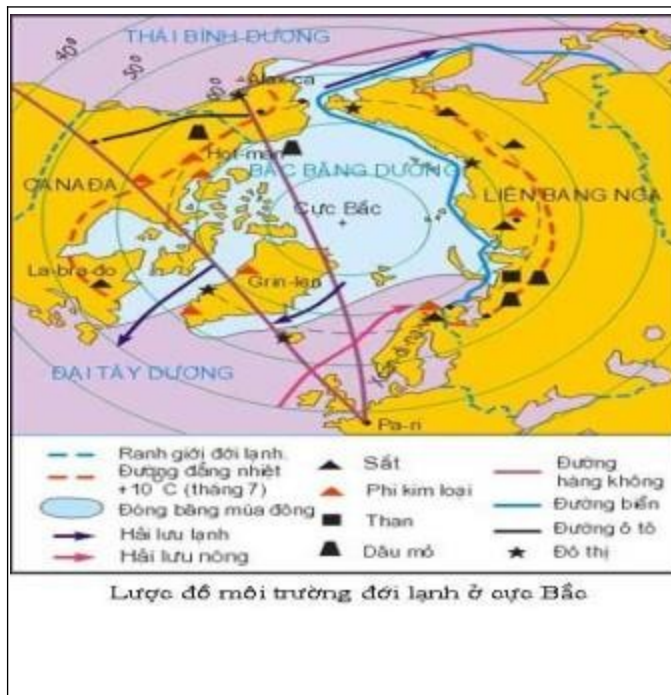
+ Hãy xác định vị trí môi trường đới lạnh trên lược đồ (HS lên bảng xác định)

>>> GV gọi 2 HS lên chỉ bản đồ. HS hoàn thành nhanh



- **Bước 2:** HS quan sát hình ảnh, HS làm việc cá nhân, ghi thông tin trong giấy nhớ.

- + Xác định ranh giới của môi trường đới lạnh ở hai bán cầu
- + Cho biết sự khác nhau của môi trường đới lạnh ở hai bán cầu



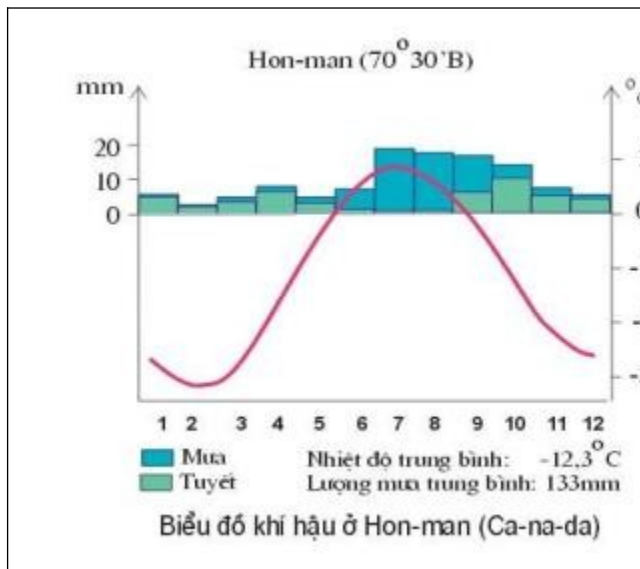
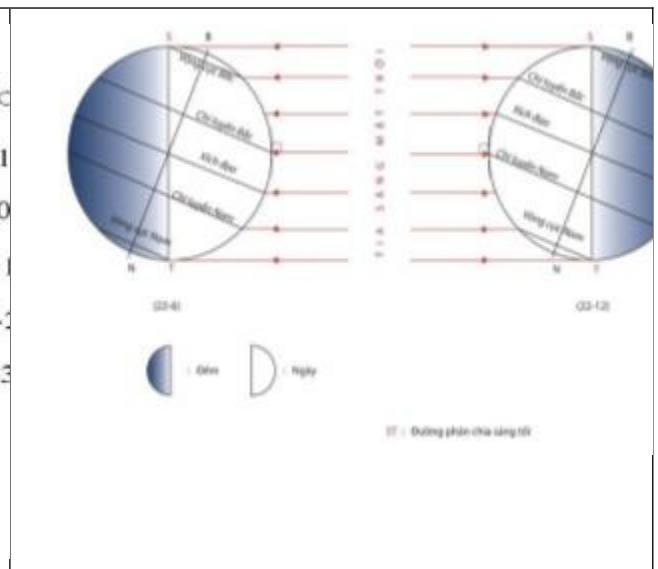
HS xác định lại vị trí của 2 môi trường đới lạnh cực Bắc và cực Nam trên bản đồ thế giới

- **Bước 3:** Thảo luận nhóm (thời gian 4')

+ Quan sát biểu đồ

+ Nhận xét biểu đồ khí hậu, rút ra kết luận

+ Điền thông tin vào PHT



+ Phân tích H21.3 . Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hon – man (Ca-na-da) .

+ GV phát PHT. HS thực hiện và điền kết quả vào bảng sau:

Đặc điểm	Nhiệt độ	Lượng mưa
Nhận xét		
Tháng cao nhất		
Tháng thấp nhất		

Số tháng có nhiệt độ > 0°C, có mưa		
Số tháng có nhiệt độ < 0°C, tuyết rơi.		
Kết luận về đặc điểm khí hậu		
Nguyên nhân		

+ Hết giờ, HS trình bày theo vòng tròn.

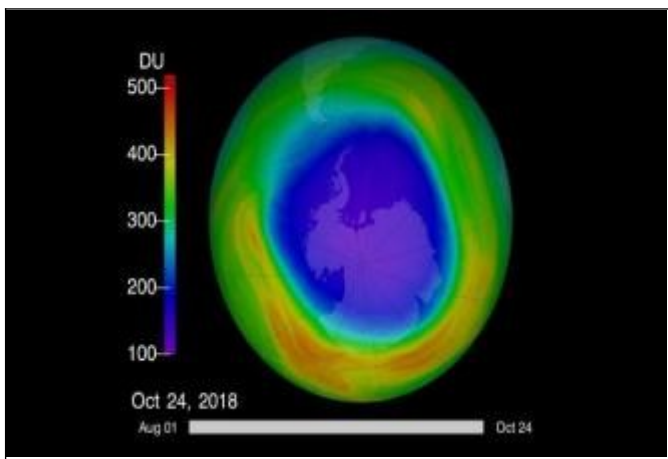
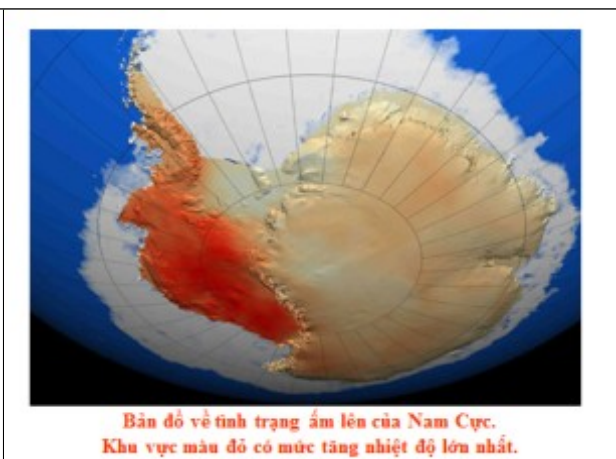
+ GV chiếu kết quả, HS chấm chéo và báo cáo điểm

Đặc điểm Nhận xét	Nhiệt độ	Lượng mưa
Tháng cao nhất	T7: < 10° C	T7: < 20mm
Tháng thấp nhất	T2: < - 30° C	T2: Tuyết rơi
Số tháng có nhiệt độ > 0°C, có mưa	3 tháng	3 tháng
Số tháng có nhiệt độ < 0°C, tuyết rơi.	9 tháng	9 tháng
Kết luận về đặc điểm khí hậu	- Nhiệt độ thấp lạnh giá . - Mùa hạ ngắn. Mùa đông kéo dài, rất lạnh. Mưa rất thấp, chủ yếu dưới dạng tuyết rơi	
Nguyên nhân	+ Góc tới ánh sáng MT nhỏ + Trục trái đất nghiêng + Phân hóa mùa sâu sắc	

- **Bước 4:** GV mở rộng, tích hợp giáo dục biến đổi khí hậu

Quan sát hình ảnh sau:

- + *Nhìn vào hình ảnh các em cho biết, vấn đề nào đang diễn ra?*
- + *Vấn đề này sẽ dẫn đến những hậu quả nào?*
- + *Theo em, chúng ta cần làm gì để ứng phó?*

	
<p>Lỗ thủng tầng ozone 2018</p>	

- **Bước 5:** HS thảo luận theo cặp đôi, sau đó nêu vấn đề trước lớp. GV cùng HS làm rõ thông tin, nhấn mạnh:

- + Biến đổi khí hậu, ấm lên toàn cầu đang diễn ra với tốc độ nhanh chưa từng có
- + Năm 2019 là năm nóng nhất trong lịch sử
- + Băng tan chảy ở các cực và vùng núi cao
- + Nước biển dâng nhấn chìm nhiều đảo và vùng đất thấp
- + Giải pháp: Cắt giảm khí nhà kính, trồng cây xanh...

GV liên hệ, mở rộng:

Hoàng Thị Minh Hồng là người Việt Nam đầu tiên đặt chân đến Nam Cực, khi Minh Hồng tham gia chuyến thám hiểm Nam Cực mang tên One Step Beyond do UNESCO tổ chức nhân dịp 50 năm thành lập UNESCO vào tháng 1.1997, với mục tiêu kêu gọi cộng đồng toàn thế giới cùng hành động bảo vệ châu Nam Cực và bảo vệ môi trường toàn cầu, chống biến đổi khí hậu. Chuyến thám hiểm có 35 thành viên là thanh niên tuổi từ 17-24, đến từ 25 quốc gia, cùng với 7 người khác là Trưởng đoàn, các nhà thám hiểm, nhà khoa học, quay phim... Đó cũng là lần đầu tiên một chuyến thám hiểm Nam Cực được tổ chức dành riêng cho thanh niên.

(<http://kyluc.vn/tin-tuc/con-nguoi/nguoi-viet-nam-dau-tien-den-nam-cuc>)

- **Bước 6:** GV chốt ý ngắn gọn cho phần 1

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sinh vật ở đới lạnh (20 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày, phân tích được sự thích nghi của động vật và thực vật với môi trường đới lạnh.
- Đánh giá tiềm năng kinh tế của đới lạnh

b) Nội dung:

- Học sinh tham gia trò chơi và vận dụng kỹ năng để hình thành kiến thức mới.

2. Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường.

- Thực vật: Chỉ phát triển vào mùa hạ ngắn ngủi. Cây cối còi cọc, thấp lùn, mọc xen lẫn với rêu và địa y.

- Động vật:

+ Có lớp mỡ, lớp lông dày hoặc bộ lông không thấm nước.

+ Di cư hoặc ngủ đông.

- Động vật phong phú hơn thực vật.

c) Sản phẩm:

- Học sinh tham gia trò chơi.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** Cho học sinh thảo luận chơi trò chơi “**Đóng vai**”. Qua các hình ảnh, gv cho học sinh chơi đóng vai các con thú và giới thiệu về bản thân (sự thích nghi đối với môi trường)

- **Bước 2:** Các học sinh lần lượt lựa chọn con thú mà mình đóng vai sau đó trình bày theo mẫu:

+ Tôi là

+ Tôi có ...

+ Tôi sẽ ...

+ Chúng tôi đang

(Ví dụ:

+ Tôi là gấu trắng

+ Tôi có lớp lông dày

+ Tôi sẽ ăn các loài vật nhỏ như hải cẩu, cá

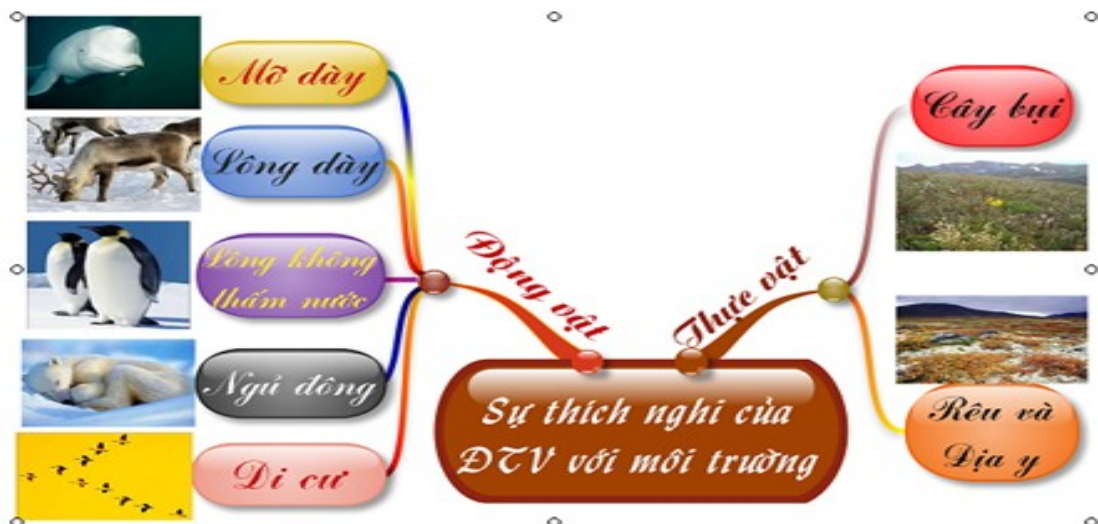
+ Chúng tôi đang suy giảm số lượng do biến đổi khí hậu và nguồn thức ăn cạn kiệt)

Một số hình ảnh cung cấp cho học sinh:





- **Bước 3:** Học sinh trình bày xong, rút ra kết luận chung và trình bày lại theo sơ đồ về sự thích nghi của động thực vật với môi trường.
- **Bước 4:** GV chốt ý, nhấn mạnh vấn đề mất cân bằng sinh thái, suy giảm đa dạng sinh học và vai trò của con người. Nhấn mạnh giá trị của Hệ sinh thái đới



lạnh.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- HS mô tả nhanh kiến thức có liên quan
- HS đánh giá vấn đề toàn diện
- Phát triển năng lực ngôn ngữ, lí giải

b) Nội dung:

- Học sinh ôn tập lại kiến thức đã học.

c) Sản phẩm:

- Học sinh tham gia trò chơi.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV giới thiệu thể lệ

- + 1 HS gợi ý, các nhóm thống nhất đáp án trên bảng nhóm
- + Giờ kết quả sau khi gợi ý xong trong 3s
- + Gợi ý không lặp từ, không dùng tiếng nước ngoài, ngôn ngữ cơ thể
- + GV gọi ngẫu nhiên số thứ tự trong nhóm
- + Gợi ý sai, nhóm bị trừ điểm
- + Trả lời đúng, nhóm có người gợi ý được +2 và nhóm khác +1

- **Bước 2:** GV tiến hành trò chơi

Các từ khóa: Vòng cực, bão tuyết, núi băng, băng tan, hải cẩu, gấu trắng, chim cánh cụt, rêu, địa y, ngủ đông, Bắc cực, Nam cực, Bắc Băng Dương, di cư, Nga, Canada, biến đổi khí hậu, ...

- **Bước 3:** HS hệ thống lại kiến thức bằng cách ghép nối các từ thành một đoạn văn bản có ý nghĩa về đới lạnh.

- **Bước 4:** GV kết luận chung về đới lạnh

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Thiết kế 1 sản phẩm sáng tạo mô tả đới lạnh
- Phát triển năng lực sáng tạo

b) *Nội dung:*

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) *Sản phẩm:*

- Thiết kế một sản phẩm về đới lạnh.

d) *Cách thực hiện:*

- Bước 1: GV nêu yêu cầu
- + Tìm kiếm tư liệu về đới lạnh
- + Thiết kế 1 sản phẩm trên giấy A4
- + Vẽ hình, icon, trình bày văn tắt về đới lạnh theo cách hiểu của HS
- + Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	1 điểm	2 điểm	3 điểm
Nội dung	Thông tin sơ sài chưa rõ về đới lạnh	Thông tin văn tắt theo SGK	Thông tin bám sát SGK, có mở rộng phong phú
Bố cục, thiết kế	Trình bày sơ sài, sản phẩm chưa sáng tạo, màu sắc mờ nhạt, thiếu sinh động	Bố cục cân đối, màu sắc ổn, dễ nhìn, chữ to rõ, dễ đọc	Bố cục hài hòa, màu sắc nổi bật, tương phản tốt, có hình ảnh, icon dễ hiểu...

- **Bước 2:** HS hỏi đáp, GV phản hồi

- **Bước 3:** Dặn dò, kết luận

5. Rút kinh nghiệm

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

Nội dung kiến thức:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của môi trường và đặc điểm cư trú của con người vùng núi.
- Giải thích và so sánh được sự phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hòa và đới nóng.
- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của vùng núi.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: rèn luyện kỹ năng phân tích sơ đồ, hình ảnh địa lí.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: có ý thức bảo vệ rừng.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập.
- Nhân ái: chia sẻ với những khó khăn của cư dân vùng núi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ địa hình thế giới.
- Ảnh chụp phong cảnh vùng núi.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) *Nội dung:*

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được nội dung bài báo và mô tả được quang cảnh vùng núi.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Gv cho HS đọc 1 bài báo ca ngợi vẻ đẹp của một vùng núi Việt Nam:

<https://vnexpress.net/topic/kham-pha-tay-bac-18671>

Yêu cầu:

+ Nội dung của bài báo nói về điều gì?

+ Mô tả quang cảnh vùng núi.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Hs trình bày trước lớp, Hs khác nhận xét.

Bước 4: Gv tổng kết, dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm môi trường vùng núi (20 phút)

a) *Mục đích:*

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của môi trường vùng núi.

- Đọc được sơ đồ phân tầng thực vật theo độ cao.

b) *Nội dung:*

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 74, 75 kết hợp quan sát hình 23.1, 23.2 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ *Nội dung chính*

1. Đặc điểm của môi trường.

- Càng lên cao không khí càng loãng, nhiệt độ càng giảm.

- Thực vật thay đổi theo độ cao

- Sự phân tầng thực vật thành các đai cao ở vùng núi cũng gần giống như khi đi từ vùng có vĩ độ thấp lên vùng có vĩ độ cao.

- Hướng và độ dốc của sườn núi có ảnh hưởng tới môi trường sườn núi.

- Môi trường vùng núi đang bị tác động mạnh gây suy giảm đa dạng sinh học.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập

Câu hỏi bốc thăm	Nội dung
1. Nhận xét sự phân tầng thực vật ở hai sườn núi phía bắc và phía nam?	1. Ở sườn Nam thực vật phát triển đến độ cao lớn hơn, tươi tốt hơn. Ngược lại ở sườn Bắc thực vật phát triển đến độ cao thấp hơn sườn Nam.
2. Nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau của thực vật ở hai sườn núi phía bắc và phía nam?	2. Sườn Nam thực vật phát triển đến độ cao lớn hơn do địa hình vuông góc với tia sáng mặt trời (đón nắng) nên nhận được

	<p>nhiều ánh sáng mặt trời hơn.</p> <p>Sườn Bắc địa hình song song với tia sáng mặt trời, địa hình khuất nắng thực vật phát triển ở độ cao thấp hơn.</p>
3. Tại sao độ cao khoảng 3000m ở đới ôn hoà và khoảng 5500m ở đới nóng là nơi có băng tuyết phủ vĩnh viễn?	<p>3. Vì càng lên cao, không khí càng loãng, nhiệt độ càng giảm gây lạnh nên có tuyết.</p> <p>+ Ở độ cao khoảng 3000m ở đới ôn hoà và khoảng 5500 m ở đới nóng là nơi có băng tuyết phủ vĩnh viễn vì đới nóng ở vĩ độ thấp hơn đới ôn hòa nên khí hậu nóng hơn, do vậy sự hình thành tuyết cũng ở độ cao lớn hơn.</p>
4. So sánh đặc điểm của hệ thực vật ở sườn núi với hệ thực vật theo vĩ độ?	4. Hệ thực vật phân tầng theo độ cao cũng giống như khi ta đi từ vùng vĩ độ thấp lên vùng vĩ độ cao

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Quan sát hình 23.1 mô tả quang cảnh vùng núi.

Quan sát hình 23.2 để hoàn thành phiếu học tập

GV mời đại diện các nhóm lên bốc thăm câu hỏi: (Có 4 câu hỏi, mỗi nhóm bốc thăm 1 câu hỏi, thảo luận và trả lời.

Câu hỏi bốc thăm	Nội dung
1. Nhận xét sự phân tầng thực vật ở hai sườn núi phía bắc và phía nam?	
2. Nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau của thực vật ở hai sườn núi phía bắc và phía nam?	
3. Tại sao độ cao khoảng 3000m ở đới ôn hoà và khoảng 5500m ở đới nóng là nơi có băng tuyết phủ vĩnh viễn?	
4. So sánh đặc điểm của hệ thực vật ở sườn núi với hệ thực vật theo vĩ độ?	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS đại diện nhóm trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu cư trú của con người ở môi trường vùng núi (15 phút)

a) Mục đích:

- Biết được đặc điểm cư trú của con người ở môi trường vùng núi.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang kết hợp quan sát hình để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

2. Cư trú của con người

- Miền núi có mật độ dân số thấp, thường là địa bàn cư trú của các dân tộc ít người.

- Người dân ở các vùng núi khác nhau trên thế giới có đặc điểm cư trú khác nhau:

+ Các dân tộc ở miền núi Nam Mỹ ưa sống ở độ cao trên 3000m, nhiều đất bằng, thuận lợi trồng trọt, chăn nuôi.

+ Ở vùng rừng châu Phi, người Ê-ti-ô-pi sống tập trung trên các sườn núi cao chắn gió, mưa nhiều, mát mẻ. thường sống ở các vùng núi thấp, mát mẻ, nhiều lâm sản.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

+ ĐÁP ÁN: THƯA DÂN

+ ĐÁP ÁN: DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV tổ chức trò chơi đuổi hình bắt chữ



Bước 2: GV giảng giải: *Hai từ khóa mà các em vừa tìm được cũng chính là đặc điểm cư trú của cư dân ở miền núi. Vùng núi thường là nơi thưa dân và tập trung các dân tộc ít người. Người dân ở những vùng núi khác nhau trên Trái đất có những đặc điểm cư trú khác nhau.*

GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi:

- + *Tại sao vùng núi lại là nơi thưa dân và tập trung các dân tộc ít người?*
- + *Cư trú của dân tộc ở miền núi Nam Mỹ và Sừng châu Phi có gì khác nhau?*
- + *Liên hệ vùng núi của Việt Nam: kể tên các dân tộc thiểu số nước ta mà em biết, sinh sống ở đâu, em biết gì về họ?*

Bước 3: HS trả lời.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Củng cố lại nội dung bài học.

b) *Nội dung:*

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

“Có ý kiến cho rằng vùng núi là nơi có nhiều thuận lợi, ý kiến khác lại cho rằng vùng núi là nơi có nhiều khó khăn”

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) *Nội dung:*

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Vẽ lại hình 23.3 - phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hòa và đới nóng vào giấy A4 hoặc A3.

- So sánh và giải thích sự phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hòa và đới nóng.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: THẾ GIỚI RỘNG LỚN VÀ ĐA DẠNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Xác định được vị trí các châu lục và lục địa trên bản đồ thế giới.
- Phân biệt được các nhóm nước phát triển và đang phát triển dựa vào một số tiêu chí.
- So sánh tình hình kinh tế các nhóm nước

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Tìm hiểu địa lí: đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ tự nhiên thế giới.
- Bảng số liệu trang 81 SGK.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được những hiểu biết của mình về các châu lục trên Trái Đất.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

Cho Hs 1 phút trình bày hiểu biết của mình về các châu lục trên trái đất.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Học sinh trình bày hiểu biết của mình, học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV chốt kiến thức và dẫn vào bài mới: Thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng. Bề mặt Trái Đất có các lục địa và các đại dương. Trên các châu lục có hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, song dựa trên mặt số mặt có thể phân chia thành các nhóm nước có một số đặc điểm chung. Tất cả những điều đó các em sẽ được tìm hiểu trong bài học hôm nay

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu các lục địa và các châu lục (15 phút)

a) Mục đích:

- Biết được khái niệm lục địa và châu lục.
- Xác định được vị trí các châu lục và lục địa trên bản đồ thế giới.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 79 kết hợp quan sát bản đồ tự nhiên thế giới để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

1. Các lục địa và các châu lục

- Lục địa là khối đất liền rộng lớn có biển và đại dương bao quanh.
- Châu lục bao gồm các lục địa và các đảo thuộc lục địa đó.
- Trên thế giới có 6 châu lục và 6 lục địa.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Quan sát bản đồ tự nhiên thế giới, giới thiệu ranh giới châu lục và đại lục qua bản đồ.
- Chia 4 nhóm thảo luận
- + Nhóm 1, 2: Phân biệt lục địa và châu lục?
- + Nhóm 3, 4: Dựa vào cơ sở nào để phân chia lục địa và châu lục?
- Trên thế giới có mấy lục địa, châu lục?
- Nêu và xác định qua bản đồ?
- Lục địa nào gồm 2 châu lục? Châu nào gồm 2 lục địa? Lục địa nào nằm dưới lớp nước đóng băng? Một châu lục lớn bao lấy một lục địa?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm nước trên thế giới (20 phút)

a) Mục đích:

- Phân biệt được các nhóm nước phát triển và đang phát triển dựa vào một số tiêu chí.
- So sánh tình hình kinh tế các nhóm nước

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 80, 81 kết hợp quan sát hình 25.1 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

2. Các nhóm nước trên thế giới

- Dựa vào các chỉ tiêu: thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ tử vong trẻ em, chỉ số phát triển con người để phân loại các nước trên thế giới thành 2 nhóm nước

+ Nhóm nước phát triển

+ Nhóm nước đang phát triển

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Dựa vào bản số liệu cho biết có bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ ?
- Giới thiệu khái niệm chỉ số phát triển con người (HDI) là sự kết hợp của ba thành phần : tuổi thọ, trình độ học vấn và thu nhập bình quân đầu người.
- Đọc đoạn đầu mục 2: “ Người ta ... châu lục” để phân loại và đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội từng nước, từng châu dựa vào chỉ tiêu gì ?
- Dựa vào các chỉ tiêu ,cách phân loại các quốc gia như thế nào?
- Đối chiếu qua hình 25.1 và làm bài tập 2 trang 81 sgk .
- Ngoài ra còn cách phân loại nào khác? Chia ra những nhóm nước nào?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

Thế giới rộng lớn	Thế giới đa dạng
<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích Trái đất - Diện tích lục địa - Diện tích đại dương 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng về quốc gia - Đa dạng về chủng tộc, tôn giáo - Đa dạng về trình độ phát triển - Đa dạng về thu nhập...

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 1: GV đặt câu hỏi: “**Tại sao nói thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng.**”

Thế giới rộng lớn	Thế giới đa dạng

Bước 2: HS trả lời câu hỏi bằng cách viết ra giấy, khoảng 8-10 ý. Thời gian 2 phút

Bước 3: HS kể theo vòng tròn.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Chúng ta đang sống ở châu lục nào? Trình bày những hiểu biết của em về châu lục ấy?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ CHÂU PHI

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Mô tả được vị trí, giới hạn của châu Phi trên bản đồ thế giới và ý nghĩa của vị trí đối với khí hậu.

- Trình bày được đặc điểm về hình dạng lục địa, về địa hình và khoáng sản châu Phi.

- Kể tên được các môi trường của Châu Phi trong đó chiếm phần lớn là hoang mạc và bán hoang mạc.
- Giải thích được tại sao khí hậu của Châu Phi khô nóng, hoang mạc chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ.
- Trình bày được sự khác biệt về sinh vật giữa các môi trường của châu Phi.
- Tìm ra được mối quan hệ giữa lượng mưa và lớp phủ thực vật ở châu Phi.
- Giải thích được ảnh hưởng của dòng biển nóng và dòng biển lạnh đến khí hậu của Châu Phi.
- So sánh được cảnh quan của châu Phi với Việt Nam.
- Trình bày được sự phân bố các môi trường tự nhiên ở Châu Phi và giải thích được nguyên nhân của sự phân bố đó.
- Phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Châu Phi.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: kỹ năng làm việc nhóm

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí
 - + Xác định được lượng mưa và các môi trường tự nhiên của châu Phi trên lược đồ.
 - + Xác định được các dòng biển nóng và dòng biển lạnh trên bản đồ.
 - + Đọc và phân tích biểu đồ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.
 - + Phân tích thông tin từ biểu đồ Địa Lí, rèn luyện tư duy tổng hợp.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.
- Yêu nước: có ý thức yêu quê hương đất nước, bảo vệ tài nguyên tự nhiên của Việt Nam; Đồng cảm với những trẻ em sống trong điều kiện khắc nghiệt của châu Phi.
- Trách nhiệm HS nhận thức được vai trò của việc trồng và bảo vệ rừng trong việc hạn chế hoang mạc hóa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Máy chiếu, giáo án
- Tài liệu liên quan đến bài học: clip, hình ảnh, sơ đồ...
- Các lược đồ trong sách giáo khoa phóng to.
- Video, hình ảnh về Châu Phi.
- Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS

- Chuẩn bị bài trước ở nhà
- Sách, vở

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (10 phút)

a) Mục đích:

- Tái hiện kiến thức cũ, liên hệ kiến thức mới
- Tạo hứng thú cho bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh tham gia vào trò chơi của giáo viên trước khi vào bài học mới.

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành trò chơi.

d) Cách thực hiện:

- Bước 1: GV nêu luật chơi

+ Tên trò chơi “Giải đoán hình ảnh”

+ Có 4 ô đánh số từ 1 -> 4, HS mở ô và trả lời câu hỏi liên quan đến bài cũ

+ Sau mỗi câu hỏi, 1 mảnh ghép được mở ra tương ứng với 1 chữ trong từ khóa

+ Từ khóa cuối cùng liên quan đến bài học ngày hôm nay

- Bước 2: HS tham gia trò chơi

- Bước 3: GV dẫn vào bài

“**Lục địa đen**” là từ khóa chỉ châu lục mà chúng ta sẽ học ngày hôm nay: *Châu Phi*. Các em có biết vì sao Châu Phi được gọi là lục địa đen? Chúng ta cùng đi tìm hiểu bài hôm nay và những bài học sau để xem dự đoán của các em có đúng không nhé.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (105 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của châu Phi (15 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí, giới hạn của châu Phi trên bản đồ thế giới

b) Nội dung:

- Học sinh quan sát lược đồ tự nhiên châu Phi trình bày được vị trí địa lí của châu Phi trên TG.

❖ Nội dung

1. Vị trí địa lí:

- Vị trí tiếp giáp:

+ Tiếp giáp các biển, đại dương: Địa Trung Hải, Đại Tây Dương, Biển Đỏ, Ấn Độ Dương.

+ Tiếp giáp với châu Á qua kênh đào Xuy ê, ngăn cách với châu Âu bởi Địa Trung Hải

- Châu lục lớn thứ 3 thế giới (hơn 30 triệu km²).

- Đường xích đạo đi giữa châu Phi.

=> Phần lớn lãnh thổ châu Phi gần như nằm hoàn toàn trong đới nóng, khí hậu nóng quanh năm.

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV chiếu bản đồ thế giới và đặt câu hỏi (3p)

1. Dựa vào kiến thức đã học, xác định vị trí của châu Phi trên bản đồ thế giới.

=> Châu Phi là châu lục lớn thứ 3 thế giới sau châu Á và châu Mỹ

- **Bước 2:** GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, thời gian 3 phút

+ HS hoàn thành vào phiếu học tập

Tiêu chí	Thông tin
Nằm trong khoảng vĩ độ	
Diện tích	
Giáp các châu lục	
Giáp các đại dương	
Vị trí kênh đào Suez	

- **Bước 3:** HS trình bày kết quả. GV nhận xét, HS chấm chéo, tổng kết

- **Bước 4:** GV yêu cầu HS:

+ Xác định vị trí của kênh đào Suez

+ Nếu không có kênh đào này thì chuyện gì xảy ra? Kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng thế nào?

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu địa hình và khoáng sản của châu Phi (20 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm nổi bật của địa hình châu Phi.

- Đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản châu Phi và tác động đến phát triển kinh tế châu lục.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào nội dung sgk và lược đồ tự nhiên châu Phi tìm ra nội dung chính về địa hình và khoáng sản của châu Phi.

❖ Nội dung

2. Địa hình và khoáng sản:

a) Địa hình:

- Toàn bộ lục địa Phi là một khối cao nguyên khổng lồ, cao trung bình 750m.
- Châu Phi có rất ít núi cao và đồng bằng thấp, chủ yếu là các sơn nguyên xen các bồn địa thấp.
- Nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam

b) Khoáng sản:

- Tài nguyên khoáng sản châu Phi rất phong phú: vàng, kim cương, dầu khí...
- Có ý nghĩa đặc biệt cho phát triển kinh tế

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** Chia nhóm nội dung
- + **Nhóm lẻ:** Tìm hiểu về địa hình (Hoạt động cả lớp)
- + **Nhóm chẵn:** Tìm hiểu khoáng sản
- **Bước 2:** HS hoàn thành PHT trong 5 phút
- + **PHT địa hình**

Tiêu chí	Thông tin
Tên các sơn nguyên	
Tên các bồn địa	
Tên các đồng bằng	
Tên các dãy núi	
Hướng nghiêng địa hình	
Nhận xét chung địa hình	
Đánh giá ý nghĩa	

+ PHT khoáng sản

Tiêu chí	Thông tin
----------	-----------

Khoáng sản kim loại	
Khoáng sản năng lượng	
Khu vực nhiều KS	
Nhận xét chung về KS	
Giá trị kinh tế nổi bật của KS	

- Bước 3: Chia sẻ

- + GV cho thời gian 6 phút
- + Tìm 1 bạn cùng nội dung với mình và chia sẻ, thống nhất thông tin
- + Tìm 2 bạn có nội dung khác với mình, chia sẻ ghi chép thông tin
- + Hoàn thiện phần kiến thức

- Bước 4: Đánh giá: GV gọi ngẫu nhiên một số HS lên trình bày, sử dụng bản đồ tự nhiên để mô tả

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu khí hậu châu Phi (10 phút)

a) Mục đích:

- Nhắc lại được đặc trưng khí hậu cơ bản của châu Phi là khô, nóng.
- Kể tên được các dòng biển lớn ảnh hưởng tới châu Phi.
- Giải thích khí hậu của Châu Phi khô nóng và cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc chiếm diện tích lớn.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào nội dung SGK thảo luận với bạn để tìm ra nội dung chính của khí hậu châu Phi.

❖ Nội dung

3. Khí hậu

- Phần lớn lãnh thổ châu Phi nằm giữa 2 chí tuyến nên châu Phi là lục địa nóng. (Nhiệt độ trung bình năm $> 20^{\circ}\text{C}$)
- Lãnh thổ rộng lớn, dạng khối (nhất là Bắc Phi) $\Rightarrow$ Ảnh hưởng của biển không vào sâu đất liền, châu Phi là lục địa khô $\rightarrow$ Hình thành nhiều hoang mạc.
- Lượng mưa ở châu Phi phân bố không đều.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc theo gợi ý:

- + HS suy nghĩ 1 phút về ý 1 nguyên nhân tại sao Châu Phi là châu lục khô và nóng.

- + HS chia sẻ trong nhóm, thư kí ghi nhận thông tin trong bảng nhóm
- + Dán phần giấy note làm việc cá nhân vào các góc vị trí ngồi tương ứng; cùng thảo luận đề thống nhất thêm các nội dung:

- *Vị trí địa lí của Châu Phi.*
- *Nhận xét hình dạng lãnh thổ của Châu Phi.*
- *Kể tên các dòng biển, ảnh hưởng của các dòng biển lạnh đến khí hậu như thế nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, GV hỗ trợ HS

Bước 3: HS trả lời nguyên nhân theo vòng tròn. GV ghi ý chính lên bảng theo cấu trúc bài học.

Bước 4: GV mở rộng thêm cho học sinh về khí hậu Châu Phi.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên (25 phút)

a) *Mục đích:*

- Kể tên được các môi trường của Châu Phi trong đó chiếm phần lớn là hoang mạc và bán hoang mạc.
- Trình bày được sự khác biệt về sinh vật giữa các môi trường của châu Phi.
- Tìm ra được mối quan hệ giữa lượng mưa và lớp phủ thực vật ở châu Phi.
- Xác định được lượng mưa và các môi trường tự nhiên của châu Phi trên lược đồ.

b) *Nội dung:*

- Học sinh dựa vào nội dung SGK thảo luận với bạn để tìm ra nội dung chính của các đặc điểm khác của môi trường ở châu Phi.

❖ Nội dung

- Do vị trí nằm cân xứng 2 bên đường Xích đạo nên các môi trường tự nhiên của châu Phi nằm đối xứng qua xích đạo, gồm:
- + Môi trường xích đạo ẩm: phân bố ở hai bên xích đạo. Cảnh quan đặc trưng là rừng rậm xanh quanh năm.
- + Môi trường nhiệt đới: cảnh quan đặc trưng là rừng thưa, xavan, cây bụi.
- + Môi trường hoang mạc: gồm hoang mạc Xahara và hoang mạc Calahari.
- + Môi trường địa trung hải: ở cực Bắc và cực Nam châu Phi. Cảnh quan đặc trưng là rừng cây bụi lá cứng.

c) *Sản phẩm:*

Môi trường	Phân bố (xác định trên hình 27.2)	Lượng mưa (xác định trên hình 27.1)	Sinh vật (thực vật và động vật)
------------	--------------------------------------	--	------------------------------------

Xích đạo ấm	Bồn Địa Công Gô, Vịnh Ghinê	1001 đến 2000 mm	Rừng rậm xanh quanh năm
Nhiệt đới	2 bên xích đạo (bao quanh xích đạo ấm)	200 đến 1000 mm	Rừng thưa xavan cây bụi, động vật ăn cỏ và ăn thịt
Hoang mạc	hoang mạc Xa ha ra, Ca-la-ha-ri và Na- míp	dưới 200mm	Nghèo nàn
Cận nhiệt Địa Trung Hải	Dãy At-lat Dãy Đrê Kenbec	200 đến 1000 mm	Rừng cây bụi lá cứng.

d) Cách thực hiện:

-Bước 1. GV chia lớp thành 8 nhóm

GV giao phiếu học tập cho học sinh, học sinh làm việc trong thời gian 5 phút

Nhóm 1,5 : Xích đạo ấm

Nhóm 2, 6: Nhiệt đới

Nhóm 3, 7: Hoang mạc

Nhóm 4, 8: Cận nhiệt Địa Trung Hải

Môi trường	Phân bố (xác định trên hình 27.2)	Lượng mưa (xác định trên hình 27.1)	Sinh vật (thực vật và động vật)
Xích đạo ấm			
Nhiệt đới			
Hoang mạc			
Cận nhiệt Địa Trung Hải			

- **Bước 2:** Các nhóm tiến hành thảo luận.

- **Bước 3:** Gv gọi bất kì học sinh nào trong nhóm để trình bày.

- **Bước 4:** Gv chốt vấn đề và mở rộng cho học sinh, liên hệ Việt Nam có cùng vĩ độ với Bắc Phi (khu vực có hoang mạc Xa ha ra) nhưng nước ta không có hoang mạc, các em hãy thấy đây là một điều rất hạnh phúc, hãy đồng cảm với người dân Châu Phi nhé. Đặc biệt hiện nay, với tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng sa mạc hóa ở Châu Phi càng gay gắt. Thời tiết khô hạn và diện tích rừng bị giảm làm đất bạc màu, gây khủng hoảng lương thực tại khu vực này. Vì thế sau nhiều thời gian nghiên cứu, vào năm 2007, 11 quốc gia châu Phi đã đồng loạt ký kết tham gia dự án đầy tham vọng mang tên "Bức tường xanh vĩ đại" nhằm tái phát triển rừng, chống tình trạng sa mạc hóa ngày càng nghiêm trọng ở vùng Sahel.

2.5. Hoạt động 5: Trình bày và giải thích sự phân bố các môi trường tự nhiên (15 phút)

a) *Mục đích:*

- So sánh được diện tích của các môi trường tự nhiên dựa vào phân tích lược đồ
- Giải thích sự phân bố.

b) *Nội dung:*

❖ Nội dung

So sánh diện tích các môi trường Châu Phi:

MT Hoang Mạc-> MT Nhiệt Đới-> MT Xích Đạo Ấm-> MT Địa Trung Hải-> MT Cận Nhiệt Đới ấm

Các Hoang Mạc ở Châu Phi như hoang mạc Sahara, hoang mạc Namib, hoang mạc Calahari đều lan ra sát bờ biển vì:

- + Lãnh thổ có hình khối rộng lớn, cao đồ sộ, nhiều dãy núi ăn sát ra biển, bờ biển ít bị cắt xẻ nên ảnh hưởng của biển ít
- + Ảnh hưởng của áp cao cận chí tuyến và tín phong nên khí hậu khô nóng;
- + Chịu ảnh hưởng của các dòng biển lạnh chạy ven bờ.

c) *Sản phẩm:*

- Hs trả lời được các câu hỏi.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ

- GV chia hs thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 HS, cho HS mỗi nhóm tự đếm số thứ tự trong nhóm và chọn nhóm trưởng.
- + Vòng 1: HS làm việc cá nhân trong 5 phút, ghi kết quả thảo luận vào ô của mình
- + Vòng 2: Cả nhóm có 3 thảo luận và đưa ra kết quả chung ghi vào ô: kết quả thảo luận nhóm
- GV tổ chức cho học sinh dựa vào tư liệu học tập phân tích và hoàn trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Quan sát lược đồ 27.2 và hình ảnh Châu Phi nhìn từ vệ tinh kết hợp với kiến thức đã học em hãy so sánh và sắp xếp tên các kiểu môi trường tự nhiên theo thứ tự diện tích từ lớn đến nhỏ?

Câu hỏi 2: Giải thích tại sao các Hoang mạc ở Châu Phi lại lan ra sát bờ biển?

Bước 2: HS tiến hành thảo luận nhóm, GV quan sát, hướng dẫn, nhắc nhở thời gian

Bước 3:

- GV gọi ngẫu nhiên số thứ tự của một nhóm bất kì. HS nào có số thứ tự thuộc nhóm được gọi sẽ trả lời đáp án cho câu mà GV yêu cầu.

- Các nhóm khác sẽ theo dõi, nhận xét, bổ sung

Bước 4:

GV nhận xét và chính xác hóa nội dung thảo luận.

2.6. Hoạt động 6: Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa (20 phút)

a) Mục đích:

- Phân tích được một biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.

b) Nội dung:

Biểu đồ	Nhiệt độ(°C)			Lượng mưa(mm)			Kiểu khí hậu => Phù hợp với vị trí trên lược đồ 27.2	Đặc điểm khí hậu
	Cao nhất	Thấp nhất	Biên độ nhiệt	Cao nhất	Thấp nhất	TB năm		
A	T3 và T11 khoảng 28°C	T7 khoảng 18°C	10°C	T12 khoảng 265mm	T6,7,8 0mm	1244	Nhiệt đới (NCN) => Phù hợp vị trí số 3	KH nóng, ẩm, chia hai mùa rõ rệt; mùa mưa từ T11 đến T3 năm sau
B	T5 khoảng 35°C	T1 khoảng 20°C	15°C	T8 khoảng 290mm	T 11, 12, và 1 0mm	897	Nhiệt đới (NCB) => Phù hợp vị trí số 2	KH nóng, chia hai mùa rõ rệt; mùa mưa từ T5 đến T10
C	T4 khoảng 30°C	T7 khoảng 21°C	9°C	T4, T11 Khoảng 420mm	T7 khoảng 20mm	2592	Xích đạo ẩm => Phù hợp vị trí số 1	Kh nóng ẩm, mưa nhiều quanh năm
D	T2 khoảng 25°C	T7 khoảng 11°C	14°C	T5 khoảng 90mm	T2 khoảng 10mm	506	Địa Trung Hải => Phù hợp vị trí số 4	Hè nóng, khô; Đông ẩm áp; Mưa khá vào thu đông.

c) Sản phẩm:

- Hs hoàn thành phiếu học tập.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giáo viên phân HS thành 6 nhóm, mỗi nhóm 6 HS, đếm số thứ tự.

Bước 2: GV yêu cầu HS quan sát hình 28.1 *Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm Châu Phi*.

Hoàn thành phiếu học tập sau:

Biểu đồ	Nhiệt độ(°C)			Lượng mưa(mm)			Kiểu khí hậu=> Phù hợp vị trí nào trên bản đồ 27.2	Đặc điểm khí hậu
	Cao nhất	Thấp nhất	Biên độ nhiệt	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình năm		
<i>A</i>								
<i>B</i>								
<i>C</i>								
<i>D</i>								

Bước 3: GV gọi ngẫu nhiên HS lên trình bày trong 1 phút về biểu đồ khí hậu tương ứng.

Bước 4: GV chuẩn kiến thức, chiếu đáp án chốt lên, HS chấm chéo kết quả và báo cáo.

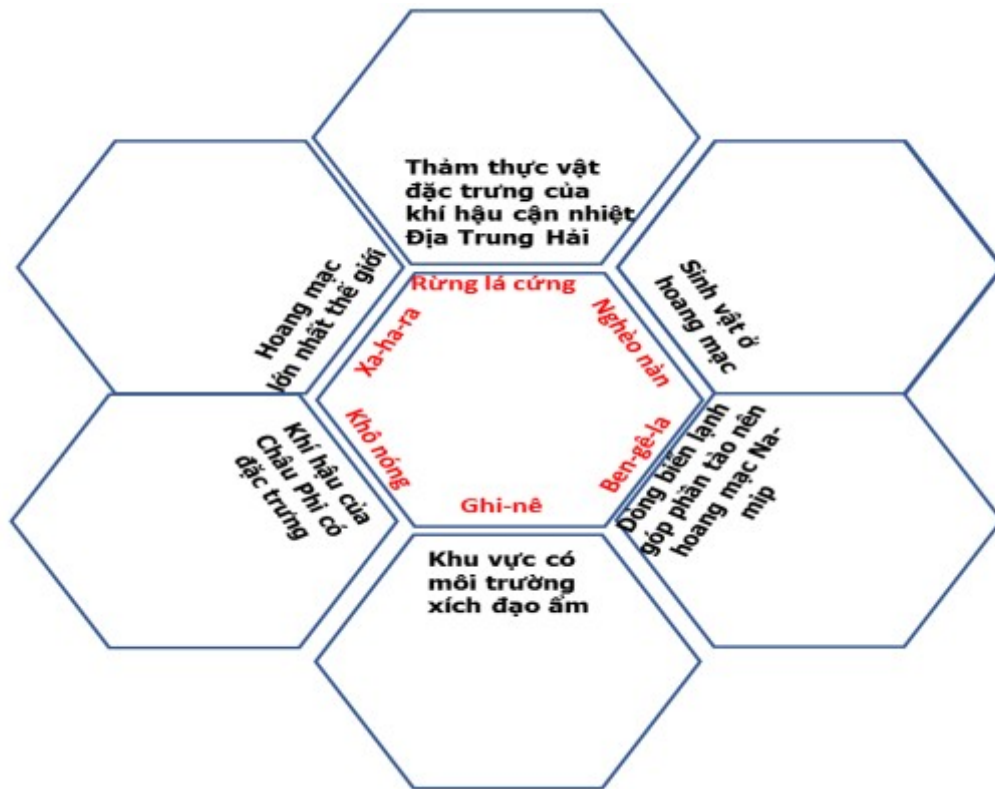
3. Hoạt động: Luyện tập (10 phút)

a) *Mục đích:* Củng cố nội dung bài học

b) *Nội dung:*

- Hs dựa vào nội dung bài học để thực hiện nhiệm vụ

c) *Sản phẩm:*



d) Cách thực hiện:

- **Bước 1.** Giao nhiệm vụ, quy định luật chơi, mỗi bàn được phát 1 bộ thẻ, thời gian 3 phút
- **Bước 2:** HS chơi trò chơi
- **Bước 3:** GV nhận xét và cho điểm với nhóm hoàn thành nhanh và chính xác nhất

4. Hoạt động: Vận dụng (10 phút)

a) Mục đích: vận dụng để giải quyết một số vấn đề.

b) Nội dung:

- Hs nhận nhiệm vụ và dựa vào nội dung bài học để hoàn thành.

c) Sản phẩm:

- Hs hoàn thành nhiệm vụ giáo viên yêu cầu.

d) Cách thực hiện:

Bước 1. GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu:

- Giải thích được các đặc điểm khí hậu châu Phi.
- Thiết lập mối quan hệ giữa khí hậu với các yếu tố tự nhiên.
- Làm bài tập 1, 2 sách giáo khoa.

Bước 2. HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà

5. Rút kinh nghiệm

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

Nội dung kiến thức:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm dân cư – xã hội Châu Phi, sự bùng nổ dân số ở châu Phi.
- Nêu được hậu quả của sự bùng nổ dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội châu Phi.
- Trình bày được các xung đột giữa các tộc người và hậu quả của các xung đột đó với sự phát triển kinh tế - xã hội châu Phi.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: phân tích được bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: trình bày được các giải pháp khắc phục khó khăn do bùng nổ dân số mang lại.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.
- Nhân ái: cảm thông sâu sắc với nhân dân châu Phi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ phân bố dân cư và đô thị (hoặc hình 29.1) .
- Bảng số liệu thống kê về tỉ lệ gia tăng dân số một quốc gia châu Phi .
- Ảnh về xung đột vũ trang và di dân.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Hs trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Châu Phi gồm có những kiểu môi trường tự nhiên nào?
- Nêu đặc điểm khí hậu hoang mạc .

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài mới.

- Châu Phi là một trong những cái nôi của loài người, châu Phi có bao nhiêu dân? Phân bố như thế nào? Tình hình xã hội có đặc điểm gì nổi bật?

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu lịch sử và dân cư (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm dân cư – xã hội Châu Phi, sự bùng nổ dân số ở châu Phi.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 89 kết hợp quan sát hình 29.1 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

1. Dân cư:

- Năm 2001 có hơn 818 triệu dân, chiếm 13,4% dân số thế giới .
- Dân cư phân bố không đều.
- Đa số dân châu Phi sống ở nông thôn
- Các thành phố có hơn một triệu dân thường tập trung ở ven biển.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Quan sát bản đồ phân bố dân cư và đô thị (29.1) .
- Năm 2001 châu Phi có bao nhiêu dân ? So với thế giới?
- Thảo luận 4 nhóm - 4 phút

+ **Nhóm 1,2** : Đặc điểm dân cư châu Phi ? Giải thích ?

+ **Nhóm 3,4** : Đa số dân sống tập trung nơi nào ? Các thành phố lớn trên 1 triệu dân thường tập trung ở đâu ? Vì sao?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sự bùng nổ dân số và xung đột tộc người ở châu Phi (20 phút)

a) Mục đích:

- Nêu được hậu quả của sự bùng nổ dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội châu Phi.
- Trình bày được các xung đột giữa các tộc người và hậu quả của các xung đột đó với sự phát triển kinh tế - xã hội châu Phi.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 90, 91 kết hợp quan sát hình 29.1, 29.2, 29.3 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

2. Sự bùng nổ dân số và xung đột tộc người ở châu Phi:

a. Bùng nổ dân số :

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên vào loại cao nhất thế giới.

b. Xung đột tộc người :

- Châu Phi có nhiều tộc người, nhiều thổ ngữ khác nhau.
- Mâu thuẫn giữa các tộc người trong từng nước và giữa các nước láng giềng với nhau dẫn đến xung đột biên giới và nội chiến .

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Hướng dẫn học sinh phân tích bảng số liệu 91-sgk

Thảo luận nhóm: Chia lớp thành 8 nhóm

Nhóm 1+2

- Bùng nổ dân số là gì?
- Cho biết 2001, dân số Châu Phi là bao nhiêu? Tỉ lệ gia tăng tự nhiên?

Nhóm 3+4

- Cho biết các quốc gia có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao hơn mức trung bình? Nằm ở vùng nào của Châu Phi?
- Các quốc gia có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp hơn mức trung bình? Nằm ở vùng nào?

Nhóm 5+6

- Bùng nổ dân số gây ra những hậu quả gì? Ảnh hưởng đến môi trường ra sao?
- Ngoài bùng nổ dân số, Châu phi còn có những khó khăn gì ảnh hưởng đến phát triển kinh tế?

Nhóm 7+8

- Nguyên nhân nào dẫn đến xung đột tộc người ở châu Phi?
- Hậu quả của xung đột tộc người?
- Yêu cầu học sinh mô tả H29.2

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs đại diện nhóm trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Cùng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Nêu và giải thích sự phân bố dân cư ở châu Phi ?
- Nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế – xã hội của châu Phi ?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Bùng nổ dân số Ở Châu Phi gây ra những hậu quả gì? Ảnh hưởng đến môi trường ra sao?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trưởng:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: KINH TẾ CHÂU PHI

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm, sự phân bố ngành nông nghiệp, công nghiệp ở Châu Phi.
- Giải thích được sự phân bố, tình hình phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp ở Châu Phi.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: sử dụng bản đồ để xác định được sự phân bố các ngành kinh tế của Châu Phi.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: quan sát video, hình ảnh để rút ra nhận xét, trình bày đặc điểm ngành nông nghiệp, công nghiệp của châu Phi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực trong các hoạt động học.
- Nhân ái: thông cảm sâu sắc với những khó khăn của nhân dân châu Phi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ (lược đồ) nông và công nghiệp châu phi .
- Một số hình ảnh về trồng trọt, chăn nuôi; về các ngành công nghiệp châu Phi.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Hs trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Nêu và giải thích sự phân bố dân cư ở châu Phi ?
- Nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế – xã hội của châu Phi ?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài mới.

- Châu Phi có nguồn khoáng sản phong phú và giàu có, có nguồn lao động dồi dào nhưng nền kinh tế trong tình trạng thấp kém, lạc hậu nhất thế giới. Sự lạc hậu và thấp kém đó được biểu hiện như thế nào?

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu nông nghiệp châu Phi (20 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày đặc điểm, sự phân bố hoạt động sản xuất nông nghiệp ở Châu Phi.
- Giải thích về sự phân bố và tình hình phát triển nông nghiệp

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 94 kết hợp quan sát hình 30.1 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt:

- Cây công nghiệp nhiệt đới: cacao, cà phê, cọ dầu...trồng trong đồn điền, hướng chuyên môn hóa, xuất khẩu.
- Cây ăn quả: nho, cam, ô-liu...
- Cây lương thực : kê, lúa mì, ngô, lúa gạo...trồng hình thức nương rẫy, kĩ thuật lạc hậu, năng suất thấp, nhập khẩu lương thực.

b. Chăn nuôi

- Kém phát triển
- Hình thức: chăn thả, phụ thuộc tự nhiên
- Chủ yếu: bò, cừu, dê, lợn...trên các cao nguyên, nửa hoang mạc...

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm

Bước 2: Giao nhiệm vụ:

Yêu cầu các nhóm quan sát lược đồ nông nghiệp châu phi, lược đồ tự nhiên châu Phi, tranh ảnh về hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp châu Phi và kết hợp kênh chữ SGK, kiến thức đã có, hoàn thành phiếu học tập của các nhóm theo các nội dung:

+ Nhóm 1+2: Tìm hiểu về ngành nông nghiệp. Trọng tâm nghiên cứu

➤ Thuận lợi trong sản xuất

➤ Các nông sản chính

+ Nhóm lẻ: Tìm hiểu về ngành công nghiệp. Trọng tâm nghiên cứu

➤ Khó khăn trong sản xuất

➤ Các nông sản chính

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu công nghiệp châu Phi (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày đặc điểm, sự phân bố hoạt động sản xuất công nghiệp ở Châu Phi.
- Giải thích về sự phân bố và tình hình phát triển công nghiệp

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 94, 95 kết hợp quan sát hình 30.2 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

2. Công nghiệp

- Điều kiện: tài nguyên khoáng sản phong phú: dầu , khí, vàng, kim cương...
- Chậm phát triển: chủ yếu phát triển ngành công nghiệp khai thác khoáng sản
- Cơ cấu ngành công nghiệp: đơn giản: khai khoáng, luyện kim, cơ khí....kỹ thuật lạc hậu

Một số nước tương đối phát triển: Nam Phi, An-giê-ri.....

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm

Bước 2: Giao nhiệm vụ:

Yêu cầu các nhóm quan sát lược đồ công nghiệp châu phi, lược đồ tự nhiên châu Phi, kết hợp kênh chữ SGK, kiến thức đã có:

+ Nhóm 1+2: Tìm hiểu về ngành công nghiệp. Trọng tâm nghiên cứu:

- Thuận lợi trong sản xuất
- Khó khăn trong sản xuất

+ Nhóm 3+4: Tìm hiểu về ngành công nghiệp. Trọng tâm nghiên cứu:

- Tình hình phát triển
- Phân bố sản xuất

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- Củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

+ Tại sao ngành NN và CN châu Phi kém phát triển? Nguyên nhân nào là chủ đạo?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) *Nội dung:*

- Vận dụng kiến thức đã học để vẽ được sơ đồ tư duy.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh vẽ được sơ đồ tư duy.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Thiết kế sơ đồ tư duy về nông nghiệp và công nghiệp ở châu Phi.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS về nhà hoàn thành, tiết sau trình bày.

Bước 4: GV tổng kết, dặn dò.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: KINH TẾ CHÂU PHI (Tiếp theo)

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày và giải thích được đặc điểm phát triển một số hoạt động dịch vụ chủ yếu ở Châu Phi.
- Phân tích được quá trình đô thị hóa hiện nay ở Châu Phi.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Sử dụng bản đồ để rút ra nhận xét về cấu trúc nền kinh tế của Châu Phi hướng ra xuất khẩu.
 - + Quan sát hình ảnh, nhận xét BSL, biểu đồ để rút ra đặc điểm quá trình đô thị hóa của châu Phi. Từ đó đưa ra nguyên nhân, hậu quả và giải pháp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.
- Nhân ái: đồng cảm với những khó khăn của các quốc gia hiện tại

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ kinh tế châu Phi hướng về xuất khẩu 31.1.
- Lược đồ phân bố dân cư và đô thị châu Phi.
- Bảng cơ cấu hàng xuất khẩu, nhập khẩu châu Phi (nếu có)
- Một số hình ảnh sinh hoạt dân cư các khu vực châu Phi.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Hs trả lời được câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- Cho biết đặc điểm ngành nông nghiệp châu Phi?
- Nêu đặc điểm ngành công nghiệp và nguyên nhân kìm hãm sự phát triển công nghiệp châu Phi ?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu dịch vụ ở châu Phi (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày và giải thích được đặc điểm phát triển một số hoạt động dịch vụ chủ yếu ở Châu Phi.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 98 kết hợp quan sát hình 31.1 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

3. Dịch vụ

a. Giao thông vận tải:

- Loại hình chủ yếu: đường sắt, đường biển.
- Vai trò : phục vụ xuất khẩu

b. Ngoại thương: đơn giản

- Xuất khẩu : nông sản(cây công nghiệp), khoáng sản....
- Nhập khẩu : lương thực, máy móc, hàng tiêu dung.....
- => Phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu=>nền kinh tế nhiều nước rơi vào khủng hoảng.
- Du lịch: nhiều tiềm năng, đem lại thu nhập lớn cho nhiều nước

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.
- + Xuất khẩu - Nhập khẩu.
- + Xuất khẩu giá rất thấp, nhập khẩu cao do đó thiệt hại lớn cho châu Phi.
- + Ven biển vịnh Ghinê, khu vực sông Nin và Nam Phi.

d) Cách thực hiện:

- Quan sát lược đồ 31.1 .
- **Thảo luận 4 nhóm - 4'.**
- Quan sát lược đồ 31.1 cho biết hoạt động kinh tế đối ngoại châu Phi có đặc điểm gì nổi bật:
- + Nhóm 1, 2: Xuất khẩu gì chủ yếu? Vì sao?
- + Nhóm 3, 4: Nhập khẩu gì chủ yếu? Vì sao?
- Thu nhập ngoại tệ của phần lớn các nước châu Phi dựa vào nguồn kinh tế nào?
- Thế yếu của hai mặt Xuất khẩu - nhập khẩu chủ yếu ở châu Phi là gì?
- Cho biết đường sắt châu Phi phát triển ở khu vực nào? Tại sao phát triển?
- Quan sát lược đồ 31.1 ,21.9 xác định một số cảng lớn ở châu Phi ?
- Giá trị của kênh đào Xuy-ê ?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu đô thị hóa ở châu Phi (20 phút)

a) Mục đích:

- Phân tích được quá trình đô thị hóa hiện nay ở Châu Phi.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 98, 99 kết hợp quan sát hình 31.2 và bảng số liệu trang 98 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ **Nội dung chính**

2. Đô thị hóa

- Tỷ lệ dân thành thị tăng liên tục.
- Quá trình đô thị hóa nhanh nhưng không tương xứng với trình độ phát triển công nghiệp => đô thị hóa tự phát.
- Nguyên nhân: bùng nổ dân số, kinh tế chậm phát triển ,di dân tự do...
- Hậu quả: khó khăn giải quyết vấn đề lương thực, nhà ở, việc làm, môi trường...

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** Giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm tìm hiểu về đặc điểm đô thị hóa của châu Phi theo các câu hỏi gợi ý sau:

**Bảng số liệu về số dân và tỉ lệ dân thành thị
của một số quốc gia ở châu Phi năm 2015 [trang 98]**

Quốc gia	Số dân (triệu người)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
An-giê-ri	39,7	70,7
Ai Cập	91,5	43,1
Ni-giê-ri-a	182,2	47,8
Kê-ni-a	46,0	25,6
Xô-ma-li	10,8	39,6

Đặc điểm đô thị hóa:

1. Quan sát biểu đồ rút ra nhận xét về tỉ lệ số dân đô thị của châu Phi qua các năm?
2. Dựa vào kiến thức đã học về dân cư, xã hội, kinh tế tìm ra nguyên nhân cho quá trình đô thị hóa của châu Phi?
3. Quan sát hình ảnh hậu quả quá trình đô thị hóa, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân: Đưa ra hậu quả của quá trình đô thị hóa ở châu Phi đến kinh tế-xã hội-môi trường và từ đó đưa ra giải pháp khắc phục tình trạng trên ?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

+ 1-C, 2-D.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Câu 1: Khoảng 90 % thu nhập ngoại tệ của các nước châu Phi là nhờ xuất khẩu:

A. Khoáng sản, lâm sản.

B. Máy móc, thiết bị.

C. Khoáng sản, nông sản.

C. Nông sản, hàng tiêu dùng.

Câu 2: Tại sao châu Phi có bùng nổ dân số đô thị ?

A. Gia tăng tự nhiên cao.

B. Kinh tế ở đô thị phát triển mạnh.

C. Sự phát triển đa dạng của các hình dịch vụ. D. Gia tăng tự nhiên cao, di dân ồ ạt.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) *Nội dung:*

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Sự phát triển đô thị của nước ta hiện nay như thế nào ?

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Trưởng:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: CÁC KHU VỰC CHÂU PHI

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được các đặc điểm điểm tự nhiên các khu vực Bắc Phi và Trung Phi
- So sánh được các hoạt động kinh tế xã hội của khu vực Bắc Phi và Trung Phi

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: đọc và phân tích bảng số liệu, biểu đồ và sơ đồ, tranh ảnh Địa lý

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: có trách nhiệm tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.
- Chăm chỉ: tích cực trong các hoạt động học.

- Nhân ái: đồng cảm với những khó khăn của người dân các khu vực Bắc Phi, Trung Phi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ kinh tế ba khu vực châu Phi.
- Bản đồ kinh tế châu Phi.

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh xem video và nhảy theo video.
- Hs trả lời được câu hỏi của giáo viên.
- + Tuy cuộc sống nghèo khó nhưng rất lạc quan, yêu đời

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giáo viên cho học sinh xem video và nhảy khởi động theo nhạc để thay đổi không khí học tập

Nguồn: https://www.youtube.com/watch?v=vSdN6SWAMkg&feature=youtu.be&fbclid=IwAR2OiSWkEPEXfSznZOq913n07KS_F85wZJdWW0WsvD2XgsMMNLP8e

Bước 2: GV đặt câu hỏi có vấn đề cho HS: Các em có cảm nhận gì về các bạn nhỏ Châu Phi tham gia điệu nhảy trong video?

Bước 3: Cá nhân học sinh trả lời

Bước 4: Giáo viên nhận xét, dẫn dắt vào bài

Tự nhiên của Châu Phi rất khắc nghiệt, kinh tế Châu Phi còn nghèo nàn. Tuy nhiên đặc điểm tự nhiên- Kinh tế- xã hội Châu Phi cũng có sự khác nhau giữa các khu vực Châu Phi. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu nhé!

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu khu vực Bắc Phi (20 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được các đặc điểm tự nhiên của khu vực Bắc Phi.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 101 kết hợp quan sát hình 32.1, 32.2, 32.3 để trả lời các câu hỏi của giáo viên và hoàn thành phiếu học tập

❖ Nội dung chính

Các thành phần tự nhiên	Khu vực Bắc Phi	
	Phía Bắc	Phía Nam

Địa hình	At-lat là dãy núi trẻ nằm ở TB châu lục; các đồng bằng ven ĐTH	Hoang mạc nhiệt đới(HM Sahara)
Khí Hậu	Địa Trung Hải	KH hoang mạc khô và nóng
Cảnh quan tự nhiên	Rừng lá rộng ở sườn đón gió; Vào sâu nội địa là Xavan và cây bụi	Cỏ gai thưa thớt, cằn cỗi; Ốc đảo có cây cối xanh tốt
Dân cư	Người Ả Rập, Beche	
Chủng tộc	Ô-rô-pê-ô-it	
Tôn giáo	Hồi giáo	
Các hoạt động kinh tế chính	Kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác và xuất khẩu dầu mỏ; khí đốt; phát triển và du lịch Trồng lúa, oliu, cây ăn quả cận nhiệt đới	Có nhiều đô thị mới với các công trình khai thác và chế biến dầu mỏ Trồng các loại cây: lạc, ngô, bông

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

Các thành phần tự nhiên	Khu vực Bắc Phi	
	Phía Bắc	Phía Nam
Địa hình	At-lat là dãy núi trẻ nằm ở TB châu lục; các đồng bằng ven ĐTH	Hoang mạc nhiệt đới(HM Sahara)
Khí Hậu	Địa Trung Hải	KH hoang mạc khô và nóng
Cảnh quan tự nhiên	Rừng lá rộng ở sườn đón gió; Vào sâu nội địa là Xavan và cây bụi	Cỏ gai thưa thớt, cằn cỗi; Ốc đảo có cây cối xanh tốt
Dân cư	Người Ả Rập, Beche	
Chủng tộc	Ô-rô-pê-ô-it	

Tôn giáo	Hồi giáo	
Các hoạt động kinh tế chính	Kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác và xuất khẩu dầu mỏ; khí đốt; phốt phát và du lịch Trồng lúa, oliu, cây ăn quả cận nhiệt đới	Có nhiều đô thị mới với các công trình khai thác và chế biến dầu mỏ Trồng các loại cây: lạc, ngô, bông

d) *Cách thực hiện:*

- **Bước 1:** GV chia lớp 4 nhóm

GV phát phiếu học tập cho HS.

GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ 32.1 và 32.3/ SGK, tranh ảnh và nội dung SGK để hoàn thành phiếu học tập sau:

Nhóm 1+2

PHIẾU HỌC TẬP

Các thành phần tự nhiên	Khu vực Bắc Phi	
	Phía Bắc	Phía Nam
Địa hình		
Khí Hậu		
Cảnh Quan tự nhiên		

Nhóm 3+4

Kinh tế- Xã hội	Bắc Phi	
Dân cư		
Chủng tộc		
Tôn giáo		
Các hoạt động kinh tế chính		

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu khu vực Trung Phi (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được các đặc điểm điểm tự nhiên các khu vực Trung Phi
- So sánh được các hoạt động kinh tế xã hội của khu vực Bắc Phi và Trung Phi

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 103, 104 kết hợp quan sát hình 32.1, 32.3, 32.4, 32.5 để trả lời các câu hỏi của giáo viên và hoàn thành phiếu học tập.

❖ Nội dung chính

Các thành phần tự nhiên	Khu vực Trung Phi	
	Phía Tây	Phía Đông
Địa hình	Chủ yếu là các bồn địa	Địa hình có độ cao lớn nhất, gồm sơn nguyên và hồ kiến tạo
Khí Hậu	KH Xích đạo ẩm: nóng, mưa nhiều KH nhiệt đới: có một mùa mưa và một mùa khô	KH gió mùa Xích đạo
Cảnh quan tự nhiên	Rừng rậm xanh quanh năm(Xích đạo ẩm) Rừng thưa, Xavan(Nhiệt đới)	Xavan công viên; Rừng rậm ở sườn đón gió
Dân cư	Là khu vực đông dân nhất Châu Phi, chủ yếu là người Bantu	
Chủng tộc	Nê-gro-it	
Tôn giáo	Tín ngưỡng đa dạng	
Các hoạt động kinh tế chính	Chủ yếu dựa vào trồng trọt, chăn nuôi theo lối cổ truyền; khai thác lâm sản; trồng cây công nghiệp để xuất khẩu	

c) Sản phẩm:

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

Các thành phần tự nhiên	Khu vực Trung Phi	
	Phía Tây	Phía Đông

Địa hình	Chủ yếu là các bồn địa	Địa hình có độ cao lớn nhất, gồm sơn nguyên và hồ kiến tạo
Khí Hậu	KH Xích đạo ẩm: nóng, mưa nhiều KH nhiệt đới: có một mùa mưa và một mùa khô	KH gió mùa Xích đạo
Cảnh quan tự nhiên	Rừng rậm xanh quanh năm(Xích đạo ẩm) Rừng thưa, Xavan(Nhiệt đới)	Xavan công viên; Rừng rậm ở sườn đón gió
Dân cư	Là khu vực đông dân nhất Châu Phi, chủ yếu là người Bantu	
Chủng tộc	Nê-gro-it	
Tôn giáo	Tín ngưỡng đa dạng	
Các hoạt động kinh tế chính	Chủ yếu dựa vào trồng trọt, chăn nuôi theo lối cổ truyền; khai thác lâm sản; trồng cây công nghiệp để xuất khẩu	

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:** GV chia lớp 4 nhóm

GV phát phiếu học tập cho HS.

GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ 32.1 và 32.3/ SGK, tranh ảnh và nội dung SGK để hoàn thành phiếu học tập sau:

Nhóm 1+2

PHIẾU HỌC TẬP

Các thành phần tự nhiên	Khu vực Trung Phi	
	Phía Tây	Phía Đông
Địa hình		
Khí Hậu		
Cảnh Quan tự nhiên		

Nhóm 3+4

Kinh tế- Xã hội	Trung Phi
Dân cư	
Chủng tộc	
Tôn giáo	
Các hoạt động kinh tế chính	

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Gv nhận xét, chuẩn xác.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) Mục đích:

- củng cố lại nội dung bài học.

b) Nội dung:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: GV nêu câu hỏi định hướng

CH: *Các em có suy nghĩ gì về hành động của cô bé Katherina 7 tuổi, người Mỹ? Bản thân các em có thể làm gì để giúp đỡ những người bạn Châu Phi?*

Nguồn: <https://www.youtube.com/watch?v=XywRtZj0RF8>

Bước 2: GV cho HS xem video

Bước 3: Gv gọi ngẫu nhiên các học sinh trả lời xoay vòng, để lấy càng nhiều ý tưởng càng tốt

Bước 4: GV khen ngợi, động viên HS hãy biến suy nghĩ thành những hành động cụ thể, để có thể giúp người dân Châu Phi, nhất là những em nhỏ giảm bớt những khó khăn trong cuộc sống.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) Mục đích:

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) Nội dung:

- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các vấn đề liên quan.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được câu trả lời của câu hỏi.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Yêu cầu mỗi HS hãy viết 1 bức thư gửi đến một người bạn Châu Phi với chủ đề” Chia sẻ-kết nối yêu thương” thể hiện sự đồng cảm với những khó khăn mà các bạn đã gặp phải; động viên, khích lệ các những người bạn vươn lên trong cuộc sống.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

Ngày:

.....

TÊN BÀI DẠY: CÁC KHU VỰC CHÂU PHI (Tiếp theo)

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên kinh tế - xã hội khu vực Nam Phi.
- So sánh và tìm ra được những khác biệt về tự nhiên, kinh tế xã hội giữa các khu vực Bắc Phi, Trung Phi và Nam Phi.
- Phân tích được những khó khăn hiện nay của Nam Phi trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay.
- Giải thích được vì sao cần phải chống lại nạn phân biệt chủng tộc.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định và trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của Nam Phi.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế về khí hậu, sông ngòi châu Âu để hiểu sâu hơn đặc điểm tự nhiên của châu Phi.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: phản đối các hành vi phân biệt chủng tộc.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ tự nhiên châu Phi
- Lược đồ kinh tế châu Phi

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, vở ghi, dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- Học sinh trình bày được quan điểm của mình.

d) Cách thực hiện:

Bước 1: Giáo viên đưa ra tình huống: Có nhận định cho rằng “**Nam Phi là khu vực có ý nghĩa quan trọng, đại diện cho một châu Phi đang đổi mới và phát triển**”, em có đồng ý với nhận định đó không? Vì sao?

Bước 2: Học sinh làm việc theo cặp nhóm và đưa ra đáp án của mình sử dụng kĩ thuật: Ủng hộ - Phản đối.

Bước 3: Giáo viên cho học sinh báo cáo vòng tròn và dẫn vào bài học.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát tự nhiên khu vực Nam Phi (15 phút)

a) Mục đích:

- Nêu được đặc điểm tự nhiên khu vực Nam Phi,
- So sánh và giải thích được sự khác biệt về tự nhiên giữa Bắc Phi và Nam Phi;

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang 105, 106 kết hợp quan sát hình 31.1, 31.3 để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

1. Khái quát tự nhiên

➤ Địa hình:

- + Là cao nguyên khổng lồ có độ cao trung bình hơn 1000m.
- + Phía đông nam là dãy Drê-ken-béc nằm sát biển cao 3000m.
- + Trung tâm là bồn địa Ca-la-ha-ri.

➤ Khí hậu:

- + Phần lớn nằm trong môi trường khí hậu nhiệt đới.
- + Cực Nam có khí hậu địa trung hải.

➤ Sông ngòi và thực vật:

- + Sông lớn nhất là sông Dăm-be-di.
- + Do sự phân hóa của khí hậu nên thảm thực vật cũng phân hóa theo chiều từ tây sang đông.

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

Giai đoạn 1: Nhóm chuyên gia

+ GV chia lớp thành 3 nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận trong 5 phút với nội dung cụ thể như sau:

Nhóm 1: Đặc điểm địa hình Nam Phi.

Nhóm 2: Đặc điểm khí hậu Nam Phi.

Nhóm 3: Đặc điểm sông ngòi và thực vật của Nam Phi.

- **Bước 2:** HS tiến hành trao đổi để hoàn thành nhiệm vụ học tập. GV có thể đưa ra các câu hỏi để hỗ trợ HS.

- **Bước 3:** GV cử đại diện các nhóm lên treo kết quả của nhóm lên bảng. Từng nhóm lên trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4:** GV nhận xét, lấy 1 sơ đồ của 1 nhóm hoàn chỉnh nhất treo lên bảng, GV đặt câu hỏi: *Tại sao phần lớn bắc Phi và Nam Phi đều nằm trong môi trường nhiệt đới nhưng khí hậu của Nam Phi lại ẩm và dịu hơn khí hậu Bắc Phi?*

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu hoạt động kinh tế - xã hội ở châu Phi (20 phút)

a) Mục đích:

- Nêu được đặc điểm kinh tế - xã hội Nam Phi;

- Phân tích được những khó khăn hiện nay của Nam Phi trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay.

- Giải thích được vì sao cần phải chống lại nạn phân biệt chủng tộc.

b) Nội dung:

- Học sinh khai thác đoạn văn bản sgk trang kết hợp quan sát hình để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

❖ Nội dung chính

b. Khái quát kinh tế - xã hội:

- Dân cư Nam Phi thuộc chủng tộc Nêgrôit, Ôrôpêôit, người lai. Theo đạo thiên chúa.

- Kinh tế:

+ Trình độ phát triển ko đồng đều.

+ Kinh tế chủ yếu là khai khoáng để xuất khẩu.

+ Cộng hoà Nam phi là nước công nghiệp phát triển nhất châu phi

c) Sản phẩm:

- Học sinh ghi ra giấy được các câu trả lời.

d) Cách thực hiện:

- **Bước 1:**

- GV chia lớp thành 3 đội chơi, giới thiệu thư kí.

- Tên trò chơi: **Nhà thám hiểm**

- Luật chơi: Trong khoảng thời gian 3 phút các đội sẽ lần lượt lên bảng viết tên các nước ở khu vực Nam Phi theo hình thức tiếp sức. Mỗi một tên nước đúng sẽ ghi được 1 điểm. Sau 3 phút, đội nào được nhiều điểm nhất sẽ giành phần thắng.

- **Bước 2:**

- GV đặt câu hỏi cho học sinh để tìm hiểu về đặc điểm dân cư của khu vực Nam Phi:

+ *Thành phần chủng tộc dân cư của Nam Phi khác với Bắc Phi và Trung Phi như thế*

nào?

+ *Nêu hiểu biết của em về chế độ A-pac-thai?*

+ Câu hỏi thảo luận: *Tại sao nói “ Các nước ở khu vực Nam Phi có trình độ phát triển kinh tế rất chênh lệch ” ?*

Bước 3: Hs thực hiện nhiệm vụ. Gv quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 4: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 5: Gv nhận xét, chuẩn xác.

- GV kết luận: Dân cư thuộc chủng tộc Nê-grô-it, Môn-gô-lô-it, Ô-rô-pê-ô-ít và người lai; phần lớn theo đạo Thiên Chúa.

- GV mở rộng về chế độ A-pac-thai và tổng thống Nelson Mandela.

3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Củng cố lại nội dung bài học.

b) *Nội dung:*

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh hoàn thành phiếu học tập.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: GV yêu cầu hoàn thành phiếu học tập trong vòng 3 phút.

<i>K</i>	<i>W</i>	<i>L</i>	<i>H</i>
Em đã biết gì về bài học này	Em có mong muốn và đề xuất gì thêm khi học bài học này	Em đã học thêm được những gì sau khi học xong bài học này	Em có thể vận dụng vào thực tiễn những kiến thức nào và vận dụng như thế nào

Bước 2: HS hoàn thiện phiếu học tập.

Bước 3: GV thu phiếu và tổng hợp ý kiến của HS.

4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)

a) *Mục đích:*

- Vận dụng kiến thức đã học.

b) *Nội dung:*

- Vận dụng kiến thức đã học để vẽ được sơ đồ kiến thức.

c) *Sản phẩm:*

- Học sinh vẽ được sơ đồ kiến thức.

d) *Cách thực hiện:*

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Hệ thống lại bài thành 1 sơ đồ kiến thức.

Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.